



Báo cáo

Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng Thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

MỤC LỤC

A.	Giới thiệu chung	4
1.	Vị trí địa lý.....	4
2.	Đặc điểm địa hình	4
3.	Đặc điểm thời tiết khí hậu	4
4.	Xu hướng thiên tai, khí hậu.....	Error! Bookmark not defined.
5.	Phân bố dân cư, dân số.....	6
6.	Hiện trạng sử dụng đất đai.....	6
7.	Đặc điểm và cơ cấu kinh tế.....	7
B.	Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã	7
1.	Lịch sử thiên tai	7
2.	Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH	9
3.	Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH	10
4.	Đối tượng dễ bị tổn thương	11
5.	Hạ tầng công cộng.....	11
a)	Điện	11
b)	Đường và cầu cống	12
c)	Trường	13
d)	Cơ sở Y tế	13
e)	Trụ Sở UBND và Nhà Văn Hóa	13
f)	Chợ	14
6.	Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê kè).....	14
7.	Nhà ở	15
8.	Nước sạch, vệ sinh và môi trường	15
9.	Hiện trạng dịch bệnh phổ biến	15
10.	Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý.....	16
11.	Hoạt động sản xuất kinh doanh	16
12.	Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	19
13.	Phòng chống thiên tai/TU'BĐKH	20
14.	Các lĩnh vực/ngành then chốt khác	21
15.	Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TU'BĐKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ).....	22
C.	Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã	24
1.	Rủi ro với dân cư và cộng đồng.....	24
2.	Hạ tầng công cộng	27
3.	Công trình thủy lợi.....	29
4.	Nhà ở	30
5.	Nước sạch, vệ sinh và môi trường	31
6.	Y tế và quản lý dịch bệnh.....	33
7.	Giáo dục	34
8.	Rừng	36
9.	Trồng trọt.....	36

10. Chăn nuôi	39
11. Thủy Sản	41
12. Du lịch	41
13. Buôn bán và dịch vụ khác	41
14. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	43
15. Phòng chống thiên tai/TU'BDKH	43
16. Giới trong PCTT và BDKH	44
17. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác	45
D. Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp	46
1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BDKH	46
2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BDKH	50
3. Một số ý kiến tham vấn của các cơ quan ban ngành trong xã	Error! Bookmark not defined.
4. Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã	52
E. Phụ lục	53
1. Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá	53
2. Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn	53
3. Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá	62
Một số kiến thức tham khảo chung về Đánh giá rủi ro thiên tai	Error! Bookmark not defined.

A. Giới thiệu chung

Báo cáo được xây dựng dựa trên cơ sở pháp lý của Luật Phòng chống thiên tai (Luật PCTT) và yêu cầu thực tiễn của Đề án 1002 về Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng trong bối cảnh các tác động của biến đổi khí hậu đang ngày càng gia tăng tại Việt Nam, đòi hỏi cộng đồng dân cư cần củng cố kịp thời các giải pháp giảm rủi ro thiên tai và thích ứng theo hướng bền vững và lâu dài hơn.

Báo cáo này là kết quả tiến trình đánh giá rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu do cộng đồng thực hiện, chú trọng đến nhóm dễ bị tổn thương là trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật và người nghèo trong khu vực rủi ro cao, ở các lĩnh vực đời sống và xã hội của xã.

Các thông tin đánh giá rủi ro thiên tai được thu thập dựa trên các thông tin cơ bản của một số bản đồ thiên tai hiện có của Tỉnh do Tổng cục PCTT và các sở ban ngành tỉnh cung cấp, cũng như kết quả dự báo kịch bản biến đổi khí hậu của Bộ TNMT, là một trong các cơ sở quan trọng để hỗ trợ xã Xác định, đánh giá, phân vùng rủi ro thiên tai; theo dõi, giám sát thiên tai (Theo điều 17 Luật PCTT).

Các phân tích rủi ro trong báo cáo và các ưu tiên khuyến nghị của nhóm dễ bị tổn thương là những cơ sở quan trọng cho việc xây dựng kế hoạch địa phương như kế hoạch phòng chống thiên tai (Điều 15, Luật PCTT) và lồng ghép nội dung Phòng chống thiên tai vào kế hoạch phát triển ngành và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội (Điều 16, Luật PCTT)

1. Vị trí địa lý

Thị trấn Nga Sơn nằm phía Đông Bắc tỉnh Thanh Hóa, cách thành phố Thanh Hóa khoảng 40 km;

Thị trấn Nga Sơn có địa hình là vùng đồng bằng tương đối bằng phẳng, cốt địa hình bình quân 2,1 – 2,3m, cốt cao nhất: 4.03 m (khu vực đường QL10); cốt thấp nhất - 0.5 m (sông Hưng Long).

+ Phía Đông: Giáp xã Nga Yên, Nga Thành

+ Phía Tây: Giáp xã Nga Văn, Nga Mỹ

+ Phía Nam: Giáp xã Nga Mỹ, Nga Hưng

+ Phía Bắc: Giáp xã Nga Yên, Nga Trường

2. Đặc điểm địa hình

Thị trấn Nga Sơn có diện tích tự nhiên 110,64ha, được chia làm 5 Tiểu khu. Là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội của huyện Nga Sơn. Thị trấn có sông Hưng Long (Sông đào, phục vụ tưới tiêu cho các xã trên địa bàn huyện) chạy qua địa bàn theo hướng từ Tây sang Đông, chạy qua các Tiểu khu 1, Tiểu khu 2, Tiểu khu Ba Đình và Tiểu khu Hưng Long (Bắt nguồn tại xã Nga Văn và đổ về xã Nga Yên và các xã ven biển. Địa hình bằng phẳng, bị chia cắt một phần của Tiểu khu 1 và toàn bộ tiểu khu 2 bởi sông Hưng long, tuy nhiên toàn thị trấn có 4 cây cầu kiên cố bắc ngang để nối liền hai bờ sông, bảo đảm giao thông thông suốt.

Với địa hình nằm ở trung tâm huyện, địa hình cao, là khu tập trung dân cư. Thu nhập bình quân đầu người cao nhất huyện và có tỉ lệ hộ nghèo và cận nghèo rất thấp (nghèo 17/999 và cận nghèo 17/999). Nên Thị trấn Nga Sơn là địa phương tập trung nhiều năng lực cho phòng chống và ứng phó với thiên tai nhất so với các xã trong huyện. Ngoài các công trình công cộng kiên cố do thị trấn quản lý thì các công trình do huyện và các cơ quan cấp huyện cũng nằm tập trung trên địa bàn nhiều công trình có chất lượng tốt, kiên cố. Chính vì vậy, Thị trấn Nga Sơn luôn được xác định là cơ sở tiếp nhận di dân khi có thiên tai lớn xảy ra cho các xã ở vùng mép nước.

Ngoài ra, kinh tế nông nghiệp của Thị trấn (là những hoạt động sinh kế bị ảnh hưởng bởi thiên tai) chỉ chiếm gần 1% tổng thu nhập nên bị ảnh hưởng rất ít.

3. Đặc điểm thời tiết khí hậu

Thị trấn Nga Sơn nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, chịu ảnh hưởng của khí hậu vùng biển, nên nhiệt độ cao với 2 mùa chính: Mùa hạ, khí hậu nóng, ẩm; mùa Đông khô hanh. Xen kẽ giữa 2 mùa chính là khí hậu chuyển tiếp giữa Hạ sang Đông là mùa Thu ngắn thường có bão, lụt. Giữa Đông sang Hạ là mùa Xuân không rõ rệt, có mưa phùn, chịu ảnh hưởng của gió Tây Nam khô nóng về đầu mùa Hạ và sương muối về mùa Đông.

- **Nhiệt độ:** Nhiệt độ trung bình 23,5⁰C, cao nhất 39,5⁰C, thấp nhất 5-6⁰C

- *Mưa*: Tổng lượng mưa trung bình năm 1.600-1.900 mm, mùa mưa kéo dài từ tháng 6 đến tháng 10 chiếm 85% tổng lượng mưa cả năm, lớn nhất là 800 mm vào tháng 9 thường gây ra lũ lụt. Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, thường bị hạn hán.

- *Độ ẩm*: trung bình 85-86%, thường là 83% trong tháng 7 và 79% trong tháng 3.

- *Nắng*: Trung bình năm có 1648 giờ nắng. Tháng có giờ nắng nhiều nhất là tháng 7, ít nhất là tháng 2. Số ngày không có nắng trung bình năm là 83 ngày.

- *Lượng bốc hơi*: Trung bình năm là 58,5 mm, cao nhất là 81,1 mm vào tháng 7, thấp nhất 49,7 mm vào tháng 2, tháng 3 hàng năm.

- *Gió*: Chịu ảnh hưởng của 2 hướng gió chính là gió mùa Đông Bắc(vào mùa Đông) và gió Đông Nam(vào mùa Hè).

TT	Chỉ số về thời tiết khí hậu	ĐVT	Giá trị	Tháng xảy ra	Dự báo BĐKH của Thanh Hóa năm 2050 theo kịch bản RCP 8,5 (*)
1	Nhiệt độ trung bình	Độ C	22-23		Tăng 2.1 °C
2	Nhiệt độ cao nhất	Độ C	41	6-8	Tăng 2°C-2,4°C
3	Nhiệt độ thấp nhất	Độ C	< 2	11-12-1	Tăng khoảng 2-2.4°C
4	Lượng mưa Trung bình	Mm	1700		Tăng 18.6 ^{mm}

1. Xu hướng thiên tai, khí hậu

TT	Nguy cơ thiên tai, khí hậu phổ biến tại địa phương	Giảm	Giữ nguyên	Tăng lên	Dự báo BĐKH của Thanh Hóa năm 2050 theo kịch bản RCP 8.5 (*)
1	Xu hướng hạn hán			X	Tăng lên
2	Xu hướng bão			X	Tăng lên
3	Xu hướng lũ			X	Tăng lên
4	Số ngày rét đậm			X	Tăng lên
5	Mức nước biển tại các trạm hải văn			X	Đến năm 2050 Tăng khoảng 25cm (dao động trong khoảng 17-35cm tại các trạm từ Hòn Dấu đến Đèo Ngang)
6	Nguy cơ ngập lụt/nước dâng do bão			X	Khoảng 1,43% diện tích – tương đương khoảng 15.159,15 ha (Bảng 6.10, kịch bản nước dâng 100cm vào cuối thế kỷ trang 77)

2. Phân bố dân cư, dân số

TT	Tiểu khu	Số hộ	Số hộ phụ nữ làm chủ hộ	Số khẩu			Hộ nghèo	Hộ cận nghèo
				Tổng	Nữ	Nam		
1	Tiểu khu 1	193	16	845	447	398	4	8
2	Tiểu khu 2	297	41	1263	698	565	10	4
3	Tiểu khu 3	175	21	745	389	356	3	5
4	TK hưng Long	165	12	765	395	370	0	0
5	TK Ba Đình 2	169	14	684	356	328	0	0
Tổng số		999	104	4302	2285	2017	17	17

3. Hiện trạng sử dụng đất đai

TT	Loại đất (ha)	Số lượng (ha)
I	Tổng diện tích đất tự nhiên	110.64
1	Nhóm đất Nông nghiệp	6.7
1.1	Diện tích Đất sản xuất Nông nghiệp	5.9
1.1.1	<i>Đất lúa nước</i>	2.2
1.1.2	<i>Đất trồng cây hàng năm (ngô, khoai, mì, mía)</i>	
1.1.3	<i>Đất trồng cây hàng năm khác</i>	2.5
1.1.4	<i>Đất trồng cây lâu năm</i>	1.2
1.2	Diện tích Đất lâm nghiệp	0
1.2.1	<i>Đất rừng sản xuất</i>	
1.2.2	<i>Đất rừng phòng hộ</i>	
1.2.3	<i>Đất rừng đặc dụng</i>	
1.3	Diện tích Đất nuôi trồng thủy/hải sản	0.8
1.3.1	<i>Diện tích thủy sản nước ngọt</i>	0.8
1.3.2	<i>Diện tích thủy sản nước mặn/lợ</i>	
1.4	Đất làm muối	0
1.5	Diện tích Đất nông nghiệp khác <i>(Xây nhà kính phục vụ trồng trọt; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ương tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh)</i>	0
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	103.94
3	Diện tích Đất chưa Sử dụng	0
	Số % nữ cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với chồng	20%
	- Đất nông nghiệp	
	- Đất ở	

4. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế

TT	Loại hình sản xuất	Tỷ trọng kinh tế ngành/tổng GDP địa phương (%)	Số hộ tham gia hoạt động Sản xuất kinh doanh (hộ)	Thu nhập bình quân/hộ (Triệu/Năm)	Tỉ lệ phụ nữ tham gia chính
1	Trồng trọt	0.75	20	Lúa: 20 Màu: 45	70%
2	Chăn nuôi	0.15%	11	40	80%
3	Nuôi trồng thủy sản	0.1	4	32	10%
4	Đánh bắt hải sản				
5	Sản xuất tiểu thủ công nghiệp)	24.5	123	120	40%
6	Buôn bán	39.2	524	200	80%
7	Du lịch				
8	Ngành nghề khác- Vd. Đi làm ăn xa, thợ nề, dịch vụ vận tải.v.v	35.4485	317	200	30%

B. Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã

1. Lịch sử thiên tai

Tháng/năm xảy ra	Loại thiên tai	Số thôn bị ảnh hưởng	Tên thôn	Thiệt hại chính	Số lượng	
7/2005	Bão	5 tiểu khu trên toàn thị trấn	Tiểu khu 1 Tiểu khu 2 Tiểu khu 3 TK Ba Đình TH Hưng Long	1. Số người chết/mất tích:	0	
				2. Số người bị thương:	0	
				3. Số nhà bị thiệt hại:	50	
				4. Số trường học bị thiệt hại:		
				5. Số trạm y tế bị thiệt hại:		
				6. Số km đường bị thiệt hại:		
				7. Số ha rừng bị thiệt hại:		
				8. Số ha ruộng bị thiệt hại:	8ha	
				9. Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:		
				10. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:		
				11. Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:		
				12. Các thiệt hại khác...: - Cây xanh bị gãy đổ - Chợ bị tốc mái	503 cây	

				<ul style="list-style-type: none"> - Cột điện gãy đổ - Chăn nuôi: Gia súc, gia cầm bị dịch bệnh, một số chuồng trại tốc mái - Ô nhiễm môi trường. - Hệ thống thoát nước trong khu dân cư bị ách tắc. - Nguồn nước sinh hoạt bị ô nhiễm (do sử dụng giếng khoan, giếng đào, chưa có nước máy) - Gây dịch bệnh đau mắt, tiêu chảy. 	2 cột	
				13. Ước tính thiệt hại kinh tế:	1,9 tỉ	
8/2011	Bão, ngập lụt	5 tiểu khu trên toàn thị trấn	Tiểu khu 1 Tiểu khu 2 Tiểu khu 3 TK Ba Đình TH Hưng Long	Số người chết/mất tích:	1 nam	
				Số người bị thương:	0	
				Số nhà bị thiệt hại:	10 nhà	
				Số trường học bị thiệt hại:	0	
				Số trạm y tế bị thiệt hại:	0	
				Số km đường bị thiệt hại:	0	
				Số ha rừng bị thiệt hại:	0	
				Số ha ruộng bị thiệt hại:	12,4 ha	
				Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:	0	
				Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	1ha	
				Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:	0	
				13. Các thiệt hại khác...:		
				<ul style="list-style-type: none"> - Chăn nuôi: Gia súc, gia cầm bị dịch bệnh, một số chuồng trại tốc mái - Ô nhiễm môi trường cục bộ - Hệ thống thoát nước trong khu dân cư bị ách tắc. - Gây dịch bệnh đau mắt, tiêu chảy. 		
				Ước tính thiệt hại kinh tế:	1,2 tỉ	
2/2008	Rét đậm, rét hại	5 tiểu khu trên toàn thị trấn	Tiểu khu 1 Tiểu khu 2 Tiểu khu 3 TK Ba Đình TH Hưng Long	Số người chết/mất tích:	0	
				Số người bị thương:	0	
				Số nhà bị thiệt hại:	0	
				Số trường học bị thiệt hại:	0	

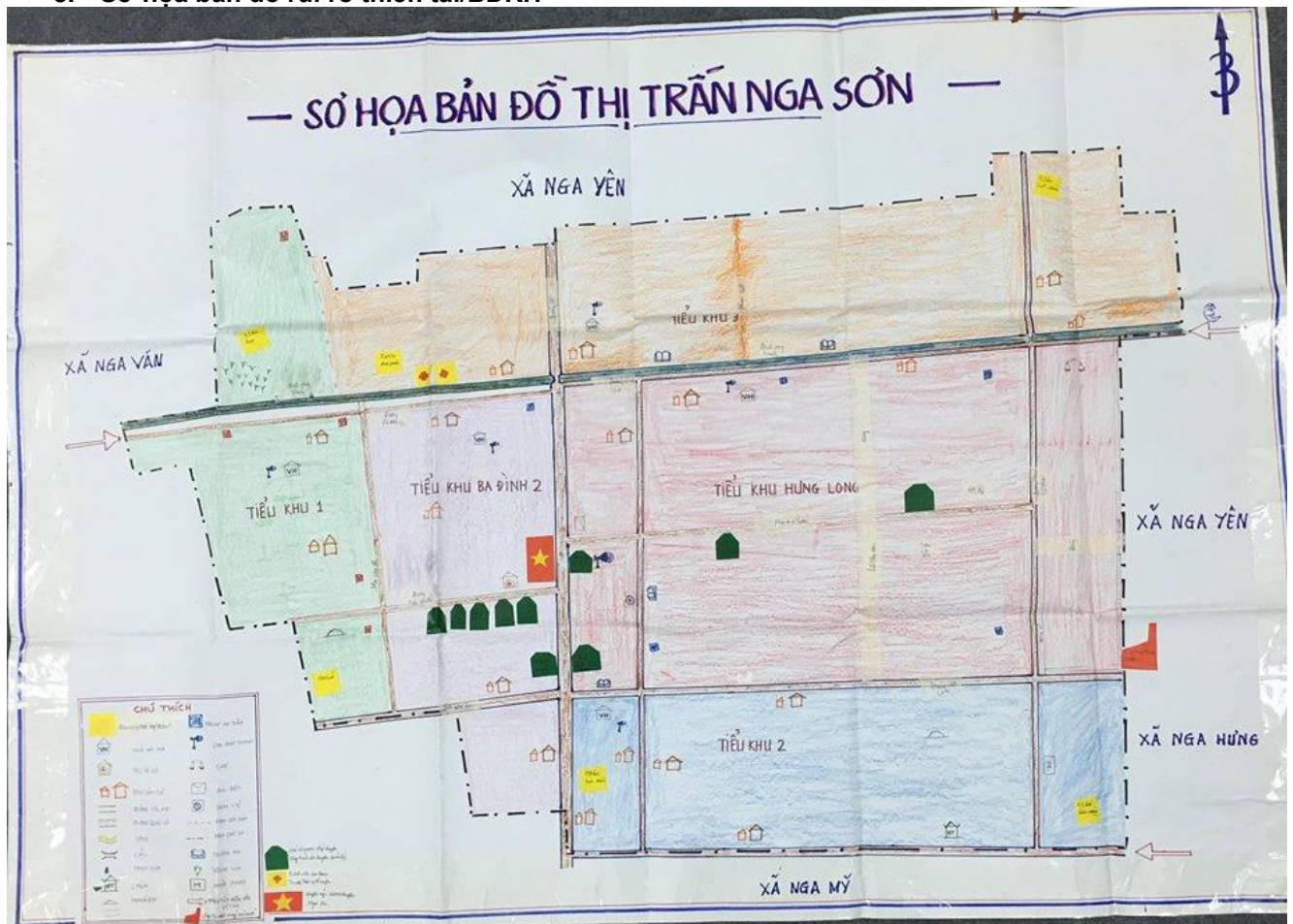
			Số trạm y tế bị thiệt hại:	0	
			Số km đường bị thiệt hại:	0	
			Số ha rừng bị thiệt hại:	0	
			Số ha ruộng bị thiệt hại:	5,4 ha	
			Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:	0	
			Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	0	
			Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:		
			Các thiệt hại khác...: - Gia súc, gia cầm chết - Người già, trẻ em nhiễm bệnh hô hấp.		
			Ước tính thiệt hại kinh tế:	300 triệu	
Ghi chú khác					
Hướng dẫn điền					

2. Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH

STT	Loại Thiên tai/BĐKH phổ biến[1]	Liệt kê các thôn thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai	Mức độ thiên tai hiện tại	Xu hướng thiên tai theo kịch bản BĐKH 8.5 vào năm 2050 (Tăng, Giảm, Giữ nguyên)	Mức độ thiên tai theo kịch bản (Cao/Trung Bình/Thấp)
			(Cao/Trung Bình/Thấp)		(Cao/Trung Bình/Thấp)
1	Bão	Tiểu khu 1	TB	Tăng	TB
		Tiểu khu 2	TB	Tăng	TB
		Tiểu khu 3	TB	Tăng	TB
		TK Hưng Long	TB	Tăng	TB
		TK Ba Đình	TB	Tăng	TB
2	Ngập lụt	Tiểu khu 1	TB	Giữ nguyên	Cao
		Tiểu khu 2	TB	Giữ nguyên	Cao
		Tiểu khu 3	TB	Giữ nguyên	TB
		TK Hưng Long	Thấp	Giữ nguyên	TB
		TK Ba Đình	Thấp	Giữ nguyên	TB
3	Hạn hán	Tiểu khu 1	Cao	Tăng	Cao
		Tiểu khu 2	Cao	Tăng	Cao
		Tiểu khu 3	Cao	Tăng	Cao

		TK Hưng Long	TB	Tăng	Cao
		TK Ba Đình	TB	Tăng	Cao
4	Rét	Tiểu khu 1	TB	Tăng	TB
		Tiểu khu 2	TB	Tăng	TB
		Tiểu khu 3	TB	Tăng	TB
		TK Hưng Long	TB	Tăng	TB
		TK Ba Đình			

3. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH



(Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH của Thị trấn Nga Sơn)

4. Đối tượng dễ bị tổn thương

TT	Đối tượng dễ bị tổn thương															
	Thôn	Trẻ em dưới 5 tuổi		Trẻ em từ 5-16 tuổi		Phụ nữ có thai*	Người cao tuổi		Người khuyết tật		Người bị bệnh hiểm nghèo		Người nghèo		Người dân tộc thiểu số	
		Nữ	Tổng	Nữ	Tổng		Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng
1	Tiểu khu 1	47	85	78	142	19	52	95	10	19	2	5	6	13		
2	Tiểu khu 2	74	135	146	277	10	56	100	12	21	2	8	16	23	5	6
3	Tiểu khu 3	37	65	48	85	15	49	85	1	4	1	2	5	10	2	2
4	TK Hưng Long	54	98	78	136	13	58	103	3	6	2	9				
5	TK Ba Đình 2	41	70	56	99	10	50	90	3	4	2	3				
	Tổng	253	453	406	739	67	265	473	29	54	9	27	27	46	7	8

5. Hạ tầng công cộng

a) Điện

TT	Hệ thống điện	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị tính	Hiện trạng		
					Kiên cố	Chưa kiên cố	Tạm bợ
	Cột điện	TK1	1998	cái	52	5	
	Dây điện		1998	mét	5130	430	
	Trạm điện		1996	cái	1		
	Cột điện	TK2	2000	cái	52	5	
	Dây điện		2000	mét	5130	450	
	Trạm điện		1998	cái	1		
	Cột điện	TK3		cái	150		
	Dây điện			mét	135000		
	Trạm điện			cái	2		
	Cột điện	TKHL	2005	cái	75		
	Dây điện		2005	m	6750		
	Trạm điện		2010	cái	4		
	Cột điện	TKBĐ2	2000- 2015	cái	158		
	Dây điện		2000-2015	mét	14220		
	Trạm điện		1998-2015	cái	3		

b) Đường và cầu cống

TT	Đường, Cầu cống	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị	Hiện trạng		
					Nhựa	Bê Tông	Đất
	Đường						
	Đường quốc lộ	Tiểu hu 1		km	0	0	0
	Đường tỉnh/huyện			km	0.5	0	0
	Đường xã			km	0.7	0	0
	Đường thôn			km	0	0.5	0
	Đường nội đồng			km	0	1	0
	Đường quốc lộ	Tiểu khu 2		km	0.5	0	0
	Đường tỉnh/huyện			km	0.5	0	0
	Đường xã			km	1.5	0	0
	Đường thôn			km	0	1	0
	Đường nội đồng			km	0	0.7	0
	Đường quốc lộ	Tiểu khu 3		km	0.3	0	0
	Đường tỉnh/huyện			km	1	0	0
	Đường xã			km	0.7	0	0
	Đường thôn			km	0	0.75	0
	Đường nội đồng			km	0	0.3	0
	Đường quốc lộ	Tiểu khu HL		km	0.3	0	0
	Đường tỉnh/huyện			km	0.4	0	0
	Đường xã			km	0.6	0.5	0
	Đường thôn			km	0	0.7	0
	Đường nội đồng			km	0	0	0
	Đường quốc lộ	Tk Ba Đình 2		km	0.3	0	0
	Đường tỉnh/huyện			km	0.8	0	0
	Đường xã			km	0.5	0.9	0
	Đường thôn			km	0	1.2	0
	Đường nội đồng			km	0	0	0
	Tổng				8.3	7.55	0
	Cầu, Cống						
	Cầu giao thông			cái		4	
	Cống			cái		15	
	Cầu giao thông						
	Cống						
	Cầu giao thông						
	Cống						
Ghi chú khác							
Hướng dẫn điền							

c) Trường

TT	Trường	Thôn[2]	Năm xây dựng	Số phòng	Hiện trạng		Tạm
					Kiên cố	Bán kiên cố	
	Tiểu học	TK2	1992	20	20		
	Mầm Non	TKHL	2000	18	18		
	Mầm Non	TK3	2017	8	8		
	Trung học cơ sở						
	Trường PTTH	Tiểu khu 3	1967-2015	40	40		
	Trường PTTH	Tiểu khu 3	2008	15	15		
Ghi chú khác: Còn 02 trường THPT Ba Đình và TC nghề không thuộc quản lý của ĐP							
Hướng dẫn điền							

d) Cơ sở Y tế

TT	Cơ sở Y tế	Thôn	Năm xây dựng	Số Giường	Số phòng	Hiện trạng	
						Kiên cố	Bán kiên cố
	Bệnh viện[4]	TK3		150	56	56	0
	TT y tế dự phòng	TK3	2016	20	4	4	0
	Trạm y tế	TKHL	2015	12	8	8	0
	Cơ sở khám						
Ghi chú khác							
Hướng dẫn điền							

e) Trụ Sở UBND và Nhà Văn Hóa

TT	Trụ sở	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị	Hiện trạng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
1	UBND	TKBĐ2	2005	cái	1	0	0
2	Nhà văn hóa	TK1	2017	cái	1	0	0
3	Nhà văn hóa	TK2	2014	cái	1	0	0
4	Nhà văn hóa	TK3	2003	cái	1	0	0
5	Nhà văn hóa	TKHL	2017	cái	1	0	0
6	Nhà văn hóa	TKBĐ2	2000	cái	1	0	0
Ghi chú khác							
Hướng dẫn điền							

f) Chợ

TT	Chợ	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị	Hiện trạng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
	Chợ huyện	TK Hưng Long	2016	Cái	1	0	0
	Chợ tạm/chợ cóc			Cái	0	0	0
Ghi chú khác							
Hướng dẫn điền							

6. Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê kè)

Tên thôn	Hạng mục	Đơn vị	Năm xây dựng	Số lượng		
				Kiên cố	Bán kiên cố	Chưa kiên cố (không an toàn)
Tiểu khu 1						
	Kênh mương	Km	2009	1	0	0.5
	Cống thủy lợi	Cái	2009	6	4	0
	Trạm bơm	cái	2017	1	0	0
Tiểu khu 2						
	Kênh mương	Km	2003	1.5	0	0
	Cống thủy lợi	Cái	2003	7	0	0
	Trạm bơm	Cái		0	0	0
Tiểu khu 3						
	Kênh mương	Km	2004	1.2	0	0.3
	Cống thủy lợi	Cái	2004	4	0	0
	Trạm bơm	Cái		0	0	0
Ghi chú khác						
Tiểu khu Hưng Long						
	Kênh mương	Km	2008	1.5	0	0
	Cống thủy lợi	Cái	2004	3	0	0
	Trạm bơm	Cái		0	0	0
Tiểu khu Ba Đình						
	Kênh mương	Km	2010	2	0	0
	Cống thủy lợi	Cái	2004	3	0	0
	Trạm bơm	Cái		0	0	0
Ghi chú khác						
Hướng dẫn điền						

7. Nhà ở

TT	Tên thôn	Số hộ	Nhà kiên cố	Nhà bán kiên cố	Nhà thiếu kiên cố	Nhà xuống cấp nghiêm trọng
1	Tiểu khu 1	193	95	45	47	5
2	Tiểu khu 2	297	195	53	35	10
3	Tiểu khu 3	175	122	34	16	3
4	Tiểu khu Hưng Long	165	92	45	24	4
5	Tiểu khu Ba Đình	169	119	40	9	0
	Tổng	999	623	217	131	22
<i>Ghi chú khác: Có một số hộ tách hộ nhưng vẫn ở chung nhà</i>						

8. Nước sạch, vệ sinh và môi trường

TT	Tên thôn/xóm	Số hộ	Số hộ tiếp cận nguồn nước sinh hoạt					Số hộ sử dụng nhà vệ sinh		
			Giếng (đào/khoan)	Nước máy	Trạm cấp nước công cộng	Tự chảy	Bể chứa nước	Hộp vệ sinh (tự hoại, bán tự hoại)	Tạm	Không có/đi nhờ
1	Tiểu khu 1	193	4	189				166	27	
2	Tiểu khu 2	297	9	288				276	21	
3	Tiểu khu 3	175	3	172				165	10	
4	TK Hưng Long	165	2	163				165		
5	TK Ba Đình2	169		169				169		
	Tổng	999	18	981	0	0	0	941	58	
<i>Ghi chú khác:</i>										
<i>Hướng dẫn điền</i>										

9. Hiện trạng dịch bệnh phổ biến

TT	Loại dịch bệnh phổ biến	Trẻ em	Phụ nữ	Nam giới	Trong đó Người cao tuổi	Trong đó Người khuyết tật
1	Sốt rét	0	0	0	0	0
2	Sốt xuất huyết	0	0	0	0	0
3	Viêm đường hô hấp	52	0	0	0	0
4	Tay chân miệng		0	0	0	0
5	Số ca bệnh phụ khoa (thường do đk nước sạch và vệ sinh không đảm bảo)		452			
<i>Ghi chú khác</i>						

Hướng dẫn điền

10. Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý

TT	Loại rừng	Năm trồng rừng	Thôn	Tổng diện tích (ha)	Tỷ lệ thành rừng	Các loại cây được trồng bản địa	Các loại hình sinh kế liên quan đến rừng	Diện tích do dân làm chủ rừng
	Rừng ngập mặn	0	0	0	0	0	0	0
	Rừng trên cát	0	0	0	0	0	0	0
	Rừng tự nhiên	0	0	0	0	0	0	0
	Diện tích quy hoạch trồng <u>rừng ngập mặn</u> nhưng chưa trồng	0	0	0	0	0	0	0
	Diện tích quy hoạch trồng <u>rừng trên cát</u> nhưng chưa trồng	0	0	0	0	0	0	0
	Rừng khác	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng							

Ghi chú khác: Các lưu ý về chủ rừng khác: doanh nghiệp, lâm trường, v.v.

Hướng dẫn điền

11. Hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Đơn vị tính	Số lượng	Số hộ tham gia	Tỷ lệ nữ	Đặc điểm sản xuất kinh doanh	
						Tiềm năng phát triển (*)	Tỷ lệ (%) thiệt hại (**)
Tiểu khu 1							
	Trồng trọt						
	- Lúa	Ha	1.2	21	71		
	- Hoa màu	ha	1.5	15	75		
	- Cây lâu năm	ha	0	0	0		
	- Cây hàng năm	ha	0	0	0		
	- Cây ăn quả	ha	0	0	0		
	Chăn nuôi		0	0	0		
	- Gia súc	con	50	5	80		
	- Gia cầm	con	300	20	75		
	Thủy Hải Sản Đánh bắt						
	- Người dân đi biển	Người	0	0	0		

	- Tàu thuyền xa bờ	tàu	0	0	0		
	- Tàu thuyền gần bờ	tàu	0	0	0		
	Thủy hải sản Nuôi trồng						
	- Bãi nuôi	ha	0	0	0		
	- Ao, hồ nuôi: ha	ha	0	0	0		
	- Lồng bè	cái	0	0	0		
	Du lịch						
	- Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn	Điểm	0	0	0		
	- Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống	Điểm	0	0	0		
	Buôn bán và dịch vụ khác						
Tiểu khu 2							
	Trồng trọt						
	- Lúa	Ha	0.5	12	80		
	- Hoa màu	ha	0.5	10	75		
	- Cây lâu năm	ha	0	0	0		
	- Cây hàng năm	ha	0	0	0		
	- Cây ăn quả	ha	0	0	0		
	Chăn nuôi con						
	Gia súc K26	con	25	3	70		
	- Gia cầm 1200	con	200	3	75		
	Thủy Hải Sản Đánh bắt						
	- Người dân đi biển	Người	0	0	0		
	- Tàu thuyền gần bờ	tàu	0	0	0		
	- Tàu thuyền gần bờ	tàu	0	0	0		
	Thủy hải sản Nuôi trồng		0	0	0		
	- Bãi nuôi	ha					
	- Ao, hồ nuôi	ha					
	- Lồng bè	cái					
	Du lịch						
	- Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn	Điểm	1	1	50		
	- Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống	Điểm	0	0	0		
	Buôn bán và dịch vụ khác						
Tiểu khu 3							
	Trồng trọt ha						
	Lúa	Ha	0.5	5	75		
	'Hoa màu	ha	0.5	5	75		
	Cây lâu năm	ha	1.2	3	50		
	Cây hàng năm	ha					
	Cây ăn quả	ha					
	Chăn nuôi con						

	- Gia súc	con	0	0	0		
	- Gia cầm	con	0	0	0		
	Thủy Hải Sản Đánh bắt						
	- Người dân đi biển	Người	0	0	0		
	- Tàu thuyền gần bờ	tàu	0	0	0		
	- Tàu thuyền gần bờ	tàu	0	0	0		
	Thủy hải sản Nuôi trồng						
	- Bãi nuôi	ha	0	0	0		
	- Ao, hồ nuôi 01ha	ha	0	0	0		
	- Lồng bè	cái	0	0	0		
	Du lịch						
	- Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn	Điểm	0	0	0		
	- Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống	Điểm	0	0	0		
	Buôn bán và dịch vụ khác						
Tiểu khu hưng Long							
	Trồng trọt ha						
	Lúa	Ha	0	0	0		
	'Hoa màu	ha	0	0	0		
	Cây lâu năm	ha	0	0	0		
	Cây hàng năm	ha	0	0	0		
	Cây ăn quả	ha	0	0	0		
	Chăn nuôi con						
	- Gia súc	con	0	0	0		
	- Gia cầm	con	0	0	0		
	Thủy Hải Sản Đánh bắt						
	- Người dân đi biển	Người	0	0	0		
	- Tàu thuyền gần bờ	tàu	0	0	0		
	- Tàu thuyền gần bờ	tàu	0	0	0		
	Thủy hải sản Nuôi trồng						
	- Bãi nuôi	ha	0	0	0		
	- Ao, hồ nuôi 01ha	ha	0	0	0		
	- Lồng bè	cái	0	0	0		
	Du lịch						
	- Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn	Điểm	3	3	50		
	- Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống	Điểm	3	3	70		
	Buôn bán và dịch vụ khác						
Tiểu khu Ba Đình 2							
	Trồng trọt ha						
	Lúa	Ha	0	0	0		
	'Hoa màu	ha	0	0	0		

	Cây lâu năm	ha	0	0	0		
	Cây hàng năm	ha	0	0	0		
	Cây ăn quả	ha	0	0	0		
	Chăn nuôi con						
	- Gia súc	con	0	0	0		
	- Gia cầm	con	0	0	0		
	Thủy Hải Sản Đánh bắt						
	- Người dân đi biển	Người	0	0	0		
	- Tàu thuyền gần bờ	tàu	0	0	0		
	- Tàu thuyền gần bờ	tàu	0	0	0		
	Thủy hải sản Nuôi trồng						
	- Bãi nuôi	ha	0	0	0		
	- Ao, hồ nuôi 01ha	ha	0	0	0		
	- Lồng bè	cái	0	0	0		
	Du lịch						
	- Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn	Điểm	1	1	50		
	- Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống	Điểm	2	2	50		
	Buôn bán và dịch vụ khác						

12. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng	Địa bàn Thôn
Tiểu khu 1				
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	100	
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	100	
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	cái	8	
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ù, cồng, chiêng, v.v.) tại thôn	%	100	
5	Số trạm khí tượng, thủy văn		0	
6	Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Không có	Có	
7	Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin	Hộ	50	
Tiểu khu 2				
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	96	
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	100	
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	cái	8	
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ù, cồng, chiêng, v.v.) tại thôn	%	100	
5	Số trạm khí tượng, thủy văn			
6	Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Không có	Có	

7	Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin	Hộ	150	
Tiểu khu 3				
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	100	
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	100	
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	cái	7	
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ủa, công, chiêng, v.v.) tại thôn	%	97	
5	Số trạm khí tượng, thủy văn	Trạm		
6	Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Không có	có	
7	Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin	Hộ	151	
Tiểu khu Hưng Long				
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	98	
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	100	
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	cái	7	
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ủa, công, chiêng, v.v.) tại thôn	%	có	
5	Số trạm khí tượng, thủy văn	Trạm		
6	Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Không có	có	
7	Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin	Hộ	90	
Tiểu khu Ba Đình 2				
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	100	
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	100	
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	cái	8	
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ủa, công, chiêng, v.v.) tại thôn	%	100	
5	Số trạm khí tượng, thủy văn	Trạm		
6	Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Không có	có	
7	Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin	Hộ	95	
Ghi chú khác				

13. Phòng chống thiên tai/TƯ'BDKH

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Số lượng thôn có kế hoạch/phương án Phòng chống thiên tai và/hoặc kế hoạch thích ứng BĐKH hàng năm	Thôn	5	
2	Số lượng trường học có kế hoạch PCTT hàng năm	Trường	4	
3	Số lần diễn tập PCTT trong 10 năm qua tại xã	Lần	2	

4	Số thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN của xã	Người	25	
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	8	
	- Số lượng đã qua đào tạo QLRRTT-DVCĐ hoặc đào tạo tương tự về PCTT, trong đó số nữ là bao nhiêu	Người	3 1	
5	Số lượng lực lượng thanh niên xung kích, chữ thập đỏ, cứu hộ-cứu nạn tại xã	Người	68	
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	10	
6	Số lượng Tuyên truyền viên PCTT/TƯ'BDKH dựa vào cộng đồng	Người	0	
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người		
7	Số lượng Phương tiện PCTT tại xã:			
	- Ghe, thuyền:	Chiếc		
	- Áo phao	Chiếc	10	
	- Loa	Chiếc	2	
	- Đèn pin	Chiếc	0	
3	- Máy phát điện dự phòng	Chiếc	0	
	- Lều bạt	Chiếc	0	
	- Xe vận tải	Chiếc	0	
8	Số lượng vật tư thiết bị dự phòng			
	- Số lượng gói/đơn vị hóa chất khử trùng tại chỗ	Đơn vị	0	
9	Số lượng thuốc y tế dự phòng tại chỗ	Đơn vị:	0	
10	Khác....			
Ghi chú khác				
Hướng dẫn điền				

14. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác

15. Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TUBĐKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ)

TT	Liệt kê các loại Kiến thức, Kinh nghiệm & Công nghệ	Tiểu khu 1	Tiểu khu 2	Tiểu khu 3	TK Hưng Long	TK Ba Đình 2	Khả năng của xã
1	Kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai (ứng phó, phòng ngừa và khắc phục)	cao	cao	cao	cao	cao	cao
2	Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	
2.1	Điện: điện lực huyện thực hiện	cao	cao	cao	cao	ao ^c	
2.2	Đường và cầu cống: thuê nhà thầu làm	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	
2.3	Trường: Ban giám hiệu và nhà trường	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	
2.4	Trạm y tế: nhân viên y tế	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	
2.5	Trụ sở UBND, Nhà Văn hóa	cao	cao	cao	cao	cao	
2.6	Chợ	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	
3	Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi: nạo vét kênh mương; HTX nông nghiệp vận hành điều tiết nước	cao	cao	cao	cao	cao	
4	Kỹ năng và kiến thức chằng chống nhà cửa	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	
5	Kiến thức giữ gìn vệ sinh và môi trường	cao	cao	cao	cao	cao	
6	Khả năng kiểm soát dịch bệnh của đơn vị y tế	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	
	Ý thức vệ sinh phòng ngừa dịch bệnh của hộ dân	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	
7	Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý						
8	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	
9	Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	cao	cao	cao	cao	cao	

	Khả năng của thôn						
	<i>(Cao, Trung Bình, Thấp)</i>	<i>Trung bình</i>	<i>Trung bình</i>	<i>Trung bình</i>	<i>Trung bình</i>	<i>Trung bình</i>	
	Ghi chú khác						

C. Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã

1. Rủi ro với dân cư và cộng đồng

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TƯ'BĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão	Toàn Thị trấn	999 hộ	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà bán kiên cố: 217 - Nhà thiếu kiên cố: 131 - Nhà xuống cấp nghiêm trọng: 22 - Giếng đào: 18 - Công trình vệ sinh tạm bợ: 58 - Nhà văn hóa xuống cấp: 1 - Cây xanh: 500 cây chưa cắt tỉa - Phương tiện cứu nạn, cứu hộ cho đội xung kích để ứng phó ban đầu bị thiếu (áo phao, thuốc) <p>* Tổ chức- xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ em < 5 tuổi: 453 (nữ: 253) - Trẻ em 5 - 16 tuổi: 739 (trong đó: nữ: 406) - Phụ nữ có thai: 67 - Người cao tuổi: 473 (nữ: 265) - Người khuyết tật: 54 (nữ: 29) - Bệnh hiểm nghèo: 27 (nữ 9) - Người nghèo: 46 (nữ 27) - Dân tộc thiểu số: 8 (nữ 7) - Công tác tuyên truyền chưa kịp thời, trang bị loa không dây còn ít chưa đảm bảo. - Đội cứu hộ không có kỹ năng sơ cấp cứu, không có trang thiết bị cứu hộ; - Đội cứu hộ kiêm nhiệm thường xuyên phải đi làm ăn xa. 	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật tư phòng chống bão hiện có tại nhà văn hóa: 1200 chiếc bì, 10 dao 16 vỏ, 50 bó rơm, 90kg rơm rạ (hợp đồng tại nhà dân). - Trên 99% thu nhập của các hộ không phụ thuộc nông nghiệp. - Toàn Thị trấn 650 hộ có nhà ở hai tầng có thể sơ tán những hộ khó khăn, nguy cơ cao khi có bão lớn - Các công trình kiên cố của các cơ quan cấp huyện đóng trên địa bàn nhà văn hóa, trung tâm hội nghị huyện... có thể làm nơi trú ẩn cho nhân dân trong thị trấn và các xã khác đến trú ẩn khi cần thiết. - Hệ thống loa truyền thanh của xã gồm 40 cái (Trong đó 60% hoạt động tốt, 40% còn lại được tu sửa thường xuyên). -100% hộ gia đình có ti vi, 60% hộ dân được tiếp cận với internet, tiếp xúc với nhiều nguồn thông tin về thiên tai <p>*Tổ chức- xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Thành lập BCĐ PCTT&TKCN có 25 người (có 8 nữ), có kiến thức, kinh nghiệm, ở cấp Tiểu khu có tiểu ban 	<ul style="list-style-type: none"> - Hư hỏng, sập nhà đơn sơ, nhà bán kiên cố, nhà không kiên cố do cường độ bão lớn -Nguy cơ người bị dịch bệnh cục bộ sau mưa bão. -Nguy cơ ô nhiễm nguồn nước do úng ngập lâu ngày. 	<p>Trung bình</p> <p>Trung bình</p> <p>Trung bình</p>

			<p>* Nhận thức kinh nghiệm thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa phương nhiều năm chưa xảy ra thiên tai cấp độ nguy hiểm hoặc diễn biến bất thường không theo dự báo nên tạo tâm lý chủ quan - 90% người dân chưa biết bơi, - Chưa có tập huấn về sơ cấp cứu, người dân thường sơ cấp cứu dựa theo kinh nghiệm 	<p>Chỉ đạo PCTT thường xuyên túc trực và sẵn sàng cứu hộ khi có tình huống khẩn cấp xảy ra.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin cảnh báo về thiên tai thường xuyên và kịp thời - Người dân trong Thị trấn tích cực hưởng ứng việc thực hiện chương trình Xây dựng đô thị văn minh, hiến đất để làm đường, giám sát việc thực hiện. Có đội gom rác và xử lý rác thải theo quy định. <p>* Nhận thức kinh nghiệm thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số người dân có kinh nghiệm và ý thức chủ động chằng chống nhà cửa, phát quang cây cối trước mùa mưa bão 		
Rét	Toàn Thị trấn	999 hộ	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ em < 5 tuổi: 453 - Trẻ em 5 - 16 tuổi: 739 - Phụ nữ có thai: 67 - Người cao tuổi: 473 - Người khuyết tật: 54 - Bệnh hiểm nghèo: 2 - Người nghèo: 46 - Nhà thiếu kiên cố: 131 - Nhà xuống cấp nghiêm trọng: 22 <p>* Tổ chức- xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác tuyên truyền chưa kịp thời - Đội cứu hộ không có kỹ năng sơ cấp cứu - Đội cứu hộ không có trang thiết bị cứu hộ PCCC <p>* Nhận thức kinh nghiệm thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa phương nhiều năm chưa xảy ra thiên tai cấp độ nguy hiểm nên tạo tâm lý chủ quan, số ít hộ thiếu chuẩn bị. 	<p>Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng số hộ giàu khá: 650 hộ - Tổng số nhân khẩu trong độ tuổi lao động có thể huy động khi có tình huống thiên tai: 1.409 - Nhà kiên cố: 637, nhà bán kiên cố 217 cái chống chịu được với rét - 100% hộ gia đình có ti vi, 60% hộ dân được tiếp cận với internet, tiếp xúc với nhiều nguồn thông tin về thiên tai. <p>Tổ chức - xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành lập đội lực lượng xung kích tại chỗ. - Các đoàn thể và cán bộ khu phố tuyên truyền cho người dân. - Các cảnh báo về những nguy cơ gây hại do thời tiết rét đậm, rét hại được phát trên hệ thống truyền thanh 	<ul style="list-style-type: none"> - Những đối tượng dễ bị tổn thương dễ bị bệnh khi có rét đậm rét hại. 	Trung bình

				<p>của thị trấn.</p> <p>Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ - động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số người dân thường xuyên cập nhật thông tin qua các phương tiện truyền thông, internet. Thực hiện nghiêm túc phương án chống rét đậm rét hại. 		
Hạn hán, nắng nóng	Toàn Thị trấn	999 hộ	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà bán kiên cố: 217 - Nhà thiếu kiên cố: 131 - Nhà xuống cấp nghiêm trọng: 22 - Giếng đào: 187 - Công trình vệ sinh bán tự hoại: 153 <p>* Tổ chức - xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác tuyên truyền đôi lúc chưa kịp thời - Đội cứu hộ không có kỹ năng sơ cấp cứu - Đội cứu hộ không có trang thiết bị cứu hộ <p>* Nhận thức kinh nghiệm thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số ít người dân thiếu nhận thức về mức độ nguy hiểm khi có hạn hán - Phần lớn các hộ gia đình thiếu kỹ năng PCCC 	<p>Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng số hộ giàu và hộ khá: 965 hộ - Tổng số nhân khẩu trong độ tuổi lao động có thể huy động khi có tình huống thiên tai: 1409 - Nhà kiên cố: 637 - 981 hộ dân sử dụng nước máy. - Nhà vệ sinh tự hoại: 846 - Hệ thống loa truyền thanh của xã gồm 40 cái (Trong đó 60% hoạt động tốt, 40% còn lại được tu sửa thường xuyên). - 100% hộ gia đình có ti vi, 60% hộ dân được tiếp cận với internet, tiếp xúc với nhiều nguồn thông tin về thiên tai <p>* Tổ chức - xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa phương gần trạm PCCC (cách 20km), khi xảy ra hỏa hoạn có thể tiếp ứng trong vòng 15 phút trước khi xảy ra hỏa hoạn. Cán bộ đài truyền thanh luôn có kế hoạch phát tin cảnh báo nhân dân. <p>* Nhận thức kinh nghiệm thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số người dân thường xuyên cập nhật thông tin qua các phương tiện truyền thông, internet. Có phương án phòng chống khi có hạn hán 	Hạn hán nắng nóng ảnh hưởng đến sức khỏe của những người thuộc đối tượng dễ bị tổn thương.	Trung bình

			<p>*Tổ chức- Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ là người già, hộ có người khuyết tật không tham gia lao động sản xuất, khó khăn kinh tế không tham gia đóng sức người xây dựng đường được. - Đầu tư cơ sở hạ tầng chủ yếu bằng nguồn thu ngân sách nên việc đầu tư chưa hoàn thiện, chưa đảm bảo, chưa đáp ứng được yêu cầu xây dựng công trình PCTT. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ - động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> -70% người dân chưa được cung cấp kiến thức về kỹ thuật duy tu bảo dưỡng hệ thống điện, hạ tầng đường chủ yếu làm theo kinh nghiệm. 	<p>công trình hạ tầng cơ sở.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thị trấn có nguồn thu từ xã hội hoá và Tiểu khu có kinh nghiệm huy động nguồn đóng góp của dân. - Phân chia các đoạn đường, khu phố tự quản cho các đoàn thể. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ - động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> -30% người dân biết kỹ thuật duy tu bảo dưỡng công trình giao thông, công trình điện. 		
Lụt	Tiểu khu 1,2,3	665	<p>Vật Chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Có 0,8 km đường nội đồng và 1km đường giao thông trong khu dân cư chưa được bê tông hoá gây ngập lụt, khó khăn đi lại trong mùa mưa lụt. -Còn có 4 cống thủy lợi tạm, chưa đáp ứng được tiêu thoát úng đồng ruộng. - Cột điện: 4 xuống cấp - Dây điện: 16,62km sử dụng lâu năm <p>*Tổ chức- Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> -10% hộ dung điện chưa an toàn, chủ yếu là dây điện sau hộp đồng hồ đo điện vào nhà dân. - Huy động nguồn kinh phí xã hội hoá gặp khó khăn Người cao tuổi: 473, Người khuyết tật: 54, Bệnh hiểm nghèo: 2, Người nghèo: 46, Dân tộc thiểu số: 8 * Nhà văn hóa xuống cấp: 01 <p>*Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ - động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ cao tuổi neo đơn, phụ nữ nghèo đơn 	<p>*Vật Chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Có 8.3km đường quốc lộ, tỉnh lộ, 8.05 km đường giao thông liên xã, nội thị được cứng hóa, 2.5km đường nội đồng được bê tông hóa, -Cột điện kiên cố: 487 cột xây dựng từ năm 1996 và đã được nâng cấp năm 2015; -162.3 km dây điện an toàn yêu cầu kỹ thuật ngành điện: -Có 04 cầu kiên cố - Trạm điện: 12 cái - 4 nhà văn hóa mới xây kiên cố <p>Tổ chức- Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> -90% cột điện và đường dây điện đã được kiên cố và an toàn. -Thị trấn có nguồn ngân sách đầu tư cho phát triển cơ sở hạ tầng (đã làm được 02 trường học, trạm y tế và hệ thống đường giao thông nhựa, đường bê tông). <p>*Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ - động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thị trấn đang trong quá trình xây 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ đổ cột điện bị xuống cấp; - Nguy cơ vỡ tuyến mương nội đồng chưa được kiên cố; - Nhà 3 tầng trường Tiểu học Thị trấn có nguy cơ bị bong tróc, lở tường đột trần do xây dựng từ lâu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trung bình Trung bình Trung bình

			thân không có điều kiện đóng góp - 100% người dân chưa được tập huấn về PCTT	dựng đô thị văn minh và đã có kế hoạch hỗ trợ nâng cấp một số tuyến đường giao thông còn lại		
....	Ghi chú khác					

3. Công trình thủy lợi

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Tiểu khu 1, 2,3		<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 4 cống thủy lợi, cống giao thông xây dựng lâu năm không đảm bảo tiêu úng nước khi có mưa bão lớn tại Tiểu khu 1 - Khu dân cư tây đường Từ Thức (TK3) không có mương thoát nước, ở một số khu dân cư cũ hệ thống rãnh thoát nước thải chưa có nước thải tràn lan ra ngoài môi trường. - Hệ thống rãnh thoát nước trong khu dân cư đã xây dựng lâu năm xuống cấp <p>*Tổ chức- Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số hộ dân sản xuất nông nghiệp là hộ khó khăn nên tư tưởng ỷ lại trong công tác xây dựng kênh mương nội đồng. - Huy động nguồn kinh phí xã hội hoá gặp khó khăn <p>Người cao tuổi: 473, Người khuyết tật: 54, Bệnh hiểm nghèo: 2, Người nghèo: 46, Dân tộc thiểu số: 8</p> <p>*Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ -</p>	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 19 cống thủy lợi, 4 câu giao thông xây dựng kiên cố đảm bảo tiêu thoát nước khi có lũ lụt trên địa bàn. - Hệ thống rãnh thoát nước thải trong khu dân cư được xây dựng đồng bộ, nhất là ở các khu dân cư mới. <p>*Tổ chức- Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa phương có cơ chế hỗ trợ cho các khu dân cư xây dựng rãnh thoát nước thải sinh hoạt theo phương châm “nhà nước và nhân dân cùng là” đến nay <p>*Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ -</p>	<p>Đường kênh nội đồng bằng đất có nguy cơ bị sạt lở, bồi lấp.</p> <p>Khu dân cư chưa có mương thoát nước có nguy cơ ngập cục bộ</p>	<p>Trung bình</p> <p>Trung bình</p>

			<p>động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số các hộ khó khăn của Thị trấn làm nông nghiệp không có điều kiện đóng góp - 100% người dân chưa được tập huấn về PCTT 	<p>động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân dân trong khu dân cư đồng thuận trong thực hiện quy định của địa phương về xây dựng rãnh thoát nước thải. 		
Ghi chú khác						

4. Nhà ở

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão	Toàn thị trấn	999	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà bán kiên cố: 217 - Nhà thiếu kiên cố: 131 - Nhà xuống cấp nghiêm trọng: 22 - Hộ nghèo 17, hộ cận nghèo 17. <p>* Tổ chức -xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đội cứu hộ không có trang thiết bị cứu hộ, chưa được tập huấn kỹ thuật chằng chống nhà cửa. - Tỷ lệ người dân không biết bơi cao 80%; Số người dễ bị tổn thương nhiều 37 người cao tuổi (trong đó có 10 nữ), 5 người khuyết tật và 3 người bị bệnh hiểm nghèo không có người thừa kế nên không được vay vốn làm nhà <p>* Nhận thức kinh nghiệm thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa phương nhiều năm chưa xảy ra thiên tai cấp độ nguy hiểm hoặc diễn biến 	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà kiên cố: 637 có gác hai đảm bảo tránh bão cho người dân ở khu vực khó khăn về nhà ở. - Hệ thống loa truyền thanh của xã gồm 40 cái (Trong đó 60% hoạt động tốt, 40% còn lại được tu sửa thường xuyên). - 100% hộ gia đình có ti vi, 60% hộ dân được tiếp cận với internet, tiếp xúc với nhiều nguồn thông tin về thiên tai <p>* Tổ chức -xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> Thành lập đội lực lượng xung kích tại chỗ gồm 65 người và các Tiểu ban PCLB ở các Tiểu khu đảm bảo trực sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ khi có tình huống. 	<p>22 xuống cấp Nhà có thể bị sập, đổ, hư hỏng, tốc mái.</p> <p>131 nhà thiếu kiên cố có thể bị tốc mái, hư hỏng, xuống cấp.</p> <p>217 nhà bán kiên cố có thể bị tốc mái.</p>	<p>- Cao</p> <p>Cao</p> <p>Trung bình</p>

			<p>bất thường không theo dự báo nên tạo tâm lý chủ quan</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số ít người dân thiếu nhận thức về mức độ nguy hiểm khi có thiên tai 	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ người dân biết bơi đạt 20%; - Chính sách hỗ trợ về nhà ở đối với các đối tượng chính sách, hộ nghèo, hộ có khó khăn về nhà ở theo Quyết định 22 của Thủ Tướng Chính Phủ và chương trình GCF. <p>* Nhận thức kinh nghiệm thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số người dân thường xuyên cập nhật thông tin qua các phương tiện truyền thông, internet. Thực hiện nghiêm túc phương án di dân khi có tình huống. 		
....	Ghi chú khác					

5. Nước sạch, vệ sinh và môi trường

	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão	Toàn thị trấn		<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 18 hộ còn dùng giếng khoan - 58 hộ còn công trình vệ sinh bán tự hoại - Một số cụm dân cư chưa có kênh rãnh thoát nước. - Toàn thị trấn còn 17 hộ nghèo và 17 hộ cận nghèo - Có 46 người nghèo, trong đó 27 người là nữ. <p>* Tổ chức- xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 04 hộ chăn nuôi gia súc trong khu dân cư chất thải chưa được xử lý còn gây ô nhiễm môi trường khi có lụt <p>* Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ</p>	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 981 hộ dùng nước nước máy - 941 hộ có nhà vệ sinh tự hoại - Hệ thống loa truyền thanh của xã gồm 40 cái (Trong đó 60% hoạt động tốt, 40% còn lại được tu sửa thường xuyên). - 100% hộ gia đình có ti vi, 60% hộ dân được tiếp cận với internet, tiếp xúc với nhiều nguồn thông tin về thiên tai <p>* Tổ chức - xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ chăn nuôi có đào hố chứa nước thải và xây đậy nắp kín 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ ô nhiễm môi trường - Nguy cơ xảy ra dịch bệnh tiêu chảy, ngoài da 	<ul style="list-style-type: none"> - Thấp - Thấp

		<p>động cơ Một bộ phận người dân chưa biết cách xử lý xác chết súc vật đúng quy cách</p>	<p>- Có công ty môi trường thu gom rác hàng ngày. - Hàng tháng tiểu khu phát động tổng vệ sinh vào ngày chủ nhật cuối tháng. * Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ động cơ - Người dân cơ bản đã ý thức được bảo vệ nguồn nước sạch công trình vệ sinh. - Đa số người dân chủ động nghe thông tin cảnh báo về thiên tai.</p>		
Lụt	Toàn thị trấn	<p>* Vật chất: -18 giếng khoan -58 hộ còn công trình vệ sinh bán tự hoại - Toàn thị trấn còn 17 hộ nghèo và 17 hộ cận nghèo - Có 46 người nghèo, trong đó 27 người là nữ. * Tổ chức- xã hội: -04 hộ chăn nuôi gia súc trong khu dân cư chất thải chưa được xử lý khoa học còn gây ô nhiễm môi trường khi có lụt. * Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ động cơ Một số hộ dân ý thức kém, còn vứt xác động vật thẳng ra môi trường</p>	<p>* Vật chất -981 hộ dùng nước nước máy -941 hộ có nhà vệ sinh tự hoại - Hệ thống loa truyền thanh của xã gồm 40 cái (Trong đó 60% hoạt động tốt, 40% còn lại được tu sửa thường xuyên). - 100% hộ gia đình có ti vi, 60% hộ dân được tiếp cận với internet, tiếp xúc với nhiều nguồn thông tin về thiên tai * Tổ chức- xã hội: -Một số hộ chăn nuôi gia súc và gia cầm có đào hố chứa nước thải Xây đập nắp kín đảm bảo được vệ sinh môi trường * Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ động cơ -Công tác kiểm tra hệ thống kênh mương được quan tâm</p>	<p>-Nguy cơ ô nhiễm môi trường - Nguy cơ xảy ra dịch bệnh tiêu chảy, ngoài da</p>	<p>-Thấp -Thấp</p>
....	Ghi chú khác				

6. Y tế và quản lý dịch bệnh

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão	Toàn Thị trấn 5 tiểu khu	999	<p>*Vật chất: Trạm y tế chưa có các thiết bị y tế hiện đại</p> <p>*Tổ chức - xã hội: - Trạm y tế chưa có bác sỹ - Không có y tá ở dưới các tiểu khu</p> <p>* Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ động cơ: - Một bộ phận nhỏ người dân không có ý thức khám sức khỏe định kỳ</p>	<p>*Vật chất: - Trạm y tế được xây dựng kiên cố hóa và đạt chuẩn. - Trang thiết bị Y tế đảm bảo. - Hệ thống loa truyền thanh của xã gồm 40 cái (Trong đó 60% hoạt động tốt, 40% còn lại được tu sửa thường xuyên). - 100% hộ gia đình có ti vi, 60% hộ dân được tiếp cận với internet, tiếp xúc với nhiều nguồn thông tin về thiên tai, các cách phòng ngừa dịch bệnh.</p> <p>* Tổ chức- xã hội: - Trình độ cán bộ y tế được đào tạo ngày một nâng cao</p> <p>* Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ động cơ: - Người dân cơ bản có ý thức đi khám sức khỏe định kỳ - Tỷ lệ người dân có bảo hiểm y tế 95%</p>	Đội ngũ cán bộ y tế cơ sở không đủ điều kiện phục vụ việc sơ cấp cứu khi có thiên tai	Thấp
Lụt	Toàn thị trấn	999	<p>* Vật chất: - Trạm y tế thiếu một số thiết bị y tế hiện đại - 17 hộ nghèo và 17 hộ cận nghèo. 46 người nghèo trong đó 27 là nữ.</p> <p>* Tổ chức- xã hội: - Trạm y tế chưa có bác sỹ - Không có y tá dưới tiểu khu</p> <p>* Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ động cơ: - Một bộ phận người dân không có ý thức</p>	<p>* Vật chất: - Trạm y tế được xây dựng kiên cố hóa và đạt chuẩn - Thiết bị y tế được trang bị cơ bản - Hệ thống loa truyền thanh của xã gồm 40 cái (Trong đó 60% hoạt động tốt, 40% còn lại được tu sửa thường xuyên). - 100% hộ gia đình có ti vi, 60% hộ dân được tiếp cận với internet, tiếp xúc với nhiều nguồn thông tin về thiên tai, các cách phòng ngừa dịch bệnh.</p>	- Nguy cơ phát sinh dịch bệnh khi có ngập lụt trên địa bàn dân cư	-Thấp

			vệ sinh, an toàn thực phẩm	<p>*Tổ chức- xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình độ cán bộ y tế được đào tạo ngày một nâng cao <p>* Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số người dân đã chủ động khám sức khỏe định kỳ - Tỷ lệ người dân có bảo hiểm y tế 95% 		
....	Ghi chú khác					

7. Giáo dục

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão	Toàn thị trấn	999	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường đi đến trường học còn một số địa điểm có cây xanh chưa được chặt tỉa thường xuyên. - Các trường đều có cây xanh to trong trường. - 739 em độ tuổi từ 5-16 tuổi, trong đó 406 là nữ trong độ tuổi đến trường. <p>* Tổ chức- xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên chưa thường xuyên được tập huấn kiến thức về phòng tránh thiên tai - Học sinh chưa có lớp ngoại khóa về cập nhật kiến thức phòng tránh thiên tai. <p>* Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên và học sinh chưa có kiến thức về quản lý thiên tai/ BĐKH. 	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường Mầm Non, THCS, trường PT và trường dạy nghề trên địa bàn được xây dựng một cách kiên cố - Trường Tiểu học Thị Trấn đang được xây 3 tầng 12 phòng học kiên cố - Trang thiết bị dạy và học cơ bản đầy đủ <p>- Toàn bộ học sinh đều có bảo hiểm y tế học đường.</p> <p>- Hệ thống loa truyền thanh của xã gồm 40 cái (Trong đó 60% hoạt động tốt, 40% còn lại được tu sửa thường xuyên).</p> <p>- 100% hộ gia đình có ti vi, 60% hộ dân được tiếp cận với internet, tiếp xúc với nhiều nguồn thông tin về thiên tai, các cách phòng ngừa dịch bệnh.</p>	<p>Cơ sở vật chất trường học bị hư hỏng, tốc mái.</p> <p>Nguy cơ gãy đổ cây xanh trong khuôn viên trường học khi có bão làm ảnh hưởng đến các công trình hạ tầng trường học.</p> <p>Học sinh phải nghỉ học khi có thiên tai</p>	<p>Trung bình</p> <p>Cao</p> <p>Cao</p>

				<p>* Tổ chức- xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Qua hệ thống thông tin giáo viên và học sinh phần nào nắm được một số biện pháp phòng tránh thiên tai. - Hàng năm, các trường đều xây dựng phương án phòng chống thiên tai. - Nhà trường chủ động chặt tỉa cành nhánh cây khi có thông tin về bão <p>* Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - học sinh chủ động tìm hiểu các kiến thức về thiên tai trên các phương tiện truyền thông đại chúng. 		
Lục	Toàn thị trấn	999	<p>Vật chất: Đường đi đến trường học còn một số địa điểm có cây xanh chưa được chặt tỉa thường xuyên</p> <p>Tổ chức, xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên chưa thường xuyên được tập huấn kiến thức về phòng tránh thiên tai - Học sinh chưa có lớp ngoại khóa về cập nhật kiến thức phòng tránh thiên tai. <p>* Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên và học sinh chưa có kiến thức về phòng tránh thiên tai một cách hệ thống và đầy đủ. 	<p>Vật chất: Trường MầmNon, THCS , trường PTTH và trường dạy nghề trên địa bàn được xây dựng một cách kiên cố</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường Tiểu học Thị Trấn đang xây 3 tầng 12 phòng học - Trang thiết bị dạy và học cơ bản đầy đủ <p>- Các trường đều được xây dựng ở những vị trí cao, ít có nguy cơ bị ngập.</p> <p>- Hệ thống rãnh thoát nước của trường được kiên cố và duy tu bảo dưỡng tốt.</p> <p>* Tổ chức- xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Qua hệ thống thông tin giáo viên và học sinh phần nào nắm được một số biện pháp phòng tránh thiên tai. - Hàng năm, các trường đều xây dựng phương án phòng chống thiên tai. - Nhà trường chủ động chặt tỉa cành 	Học sinh phải nghỉ học khi có thiên tai	Thấp

				nhánh cây khi có thông tin về Lụt. * Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ động cơ: - học sinh chủ động tìm hiểu các kiến thức về thiên tai trên các phương tiện truyền thông đại chúng.		
....	Ghi chú khác					

8. Rừng

Không có rừng

9. Trồng trọt

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão	Tiểu khu 1,2,3	665	<p>* Vật chất: - Có 5 ha lúa và 3 ha hoa màu bị ảnh hưởng nếu có thiên tai - 0.8 km đường nội đồng chưa được bê tông hóa - 3 tiểu khu có 17 hộ nghèo và 17 hộ cận nghèo, 46 người nghèo, trong đó 27 người là nữ. * Tổ chức-xã hội; - 75% lao động trong tổng lao động tham gia trồng trọt là nữ - Thuốc bảo vệ thực vật sử dụng chưa đúng liều lượng. - Một bộ phận người dân thiếu kiến thức, kỹ</p>	<p>* Vật chất - Có 1 trạm bơm tưới nước (tiểu khu 1) - Được hỗ trợ giống khi chuyển đổi cây trồng có giá trị kinh tế cao - Hệ thống loa truyền thanh của xã gồm 40 cái (Trong đó 60% hoạt động tốt, 40% còn lại được tu sửa thường xuyên). - 100% hộ gia đình có ti vi, 60% hộ dân được tiếp cận với internet, tiếp xúc với nhiều nguồn thông tin về thiên tai, các kỹ thuật chăm sóc cây trồng. * Tổ chức- xã hội; - Có sẵn các cửa hàng giống, phân bón</p>	- Mất mùa, giảm năng suất lúa và hoa màu khi có thiên tai	- Cao

			<p>thuật chăm sóc cây trồng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Do tỉ trọng kinh tế chiếm chỉ 0,85% trong tổng thu nhập của thị trấn nên công tác đầu tư cho nông nghiệp không phải là ưu tiên của thị trấn. <p>* Nhận thức,kinh nghiệm, thái độ động cơ:</p> <p>Đa số người dân chủ quan khi có bão</p>	<p>vật tư cho sản xuất trên địa bàn</p> <p>* Nhận thức,kinh nghiệm, thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số các hộ nông dân có kinh nghiệm trồng trọt và thực hiện gieo trồng đúng thời vụ - Một bộ phận người dân biết ứng dụng khoa học kỹ thuật để chăm sóc cây trồng 		
Lục	Tiểu khu 1,2,3	665	<p>Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 5 ha lúa và 3 ha hoa màu bị ảnh hưởng nếu có thiên tai -0.8 km đường nội đồng chưa được bê tông hóa - Không có trạm bơm tiêu nước - 3 tiểu khu có 17 hộ nghèo và 17 hộ cận nghèo, 46 người nghèo, trong đó 27 người là nữ. <p>Tổ chức- xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 75% lao động trong tổng lao động tham gia trồng trọt là nữ. - Do tỉ trọng kinh tế chiếm chỉ 0,85% trong tổng thu nhập của thị trấn nên công tác đầu tư cho nông nghiệp không phải là ưu tiên của thị trấn. - Thuốc bảo vệ thực vật sử dụng chưa đúng liều lượng - Một bộ phận người dân thiếu kiến thức, kỹ thuật chăm sóc cây trồng <p>* Nhận thức,kinh nghiệm, thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số người dân chủ quan khi có lụt 	<p>Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 3.7km kênh mương được kiên cố hóa - Hệ thống loa truyền thanh của xã gồm 40 cái (Trong đó 60% hoạt động tốt, 40% còn lại được tu sửa thường xuyên). - 100% hộ gia đình có ti vi, 60% hộ dân được tiếp cận với internet, tiếp xúc với nhiều nguồn thông tin về thiên tai, các kỹ thuật chăm sóc cây trồng. <p>Tổ chức- xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Một bộ phận người dân biết ứng dụng khoa học kỹ thuật để chăm sóc cây trồng <p>* Nhận thức,kinh nghiệm, thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số các hộ nông dân có kinh nghiệm trồng trọt và thực hiện gieo trồng đúng thời vụ 	<ul style="list-style-type: none"> - Mất mùa, giảm năng suất lúa và hoa màu 	<ul style="list-style-type: none"> - Cao
Hạn hán	Tiểu khu 1,2,3	665	<p>Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 5 ha lúa và 3 ha hoa màu bị ảnh hưởng nếu có thiên tai -0.8 km đường nội đồng chưa được bê tông hóa - 3 tiểu khu có 17 hộ nghèo và 17 hộ cận nghèo, 46 người nghèo, trong đó 27 người là nữ. 	<p>Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> 3.7 Kênh mương nội đồng đã được kiên cố hóa - Có 1 trạm bơm tưới nước - Hệ thống loa truyền thanh của xã gồm 40 cái (Trong đó 60% hoạt động tốt, 40% còn lại được tu sửa thường xuyên). 	<ul style="list-style-type: none"> -Mất mùa, giảm năng suất lúa và hoa màu 	<ul style="list-style-type: none"> -Thấp

			<p>Tổ chức- xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 75% lao động trong tổng số lao động tham gia trồng trọt là nữ. - Do tỉ trọng kinh tế chiếm chỉ 0,85% trong tổng thu nhập của thị trấn nên công tác đầu tư cho nông nghiệp không phải là ưu tiên của thị trấn. <p>* Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân lao động còn chủ quan khi hạn hán. - Một bộ phận người dân thiếu kiến thức, kỹ thuật chăm sóc cây trồng 	<ul style="list-style-type: none"> - 100% hộ gia đình có ti vi, 60% hộ dân được tiếp cận với internet, tiếp xúc với nhiều nguồn thông tin về thiên tai, các kỹ thuật chăm sóc cây trồng. <p>Tổ chức- xã hội:</p> <p>Đài truyền thanh thị trấn phát các bản tin khuyến cáo người dân biện pháp phòng chống hạn hán cho cây trồng.</p> <p>* Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ dân chủ động chống hạn, tưới nước đúng kỹ thuật, 		
Rét đậm, rét hại	Tiểu khu 1,2,3	665	<p>Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 5 ha lúa và 3 ha hoa màu bị ảnh hưởng nếu có thiên tai -0.8 km đường nội đồng chưa được bê tông hóa - 3 tiểu khu có 17 hộ nghèo và 17 hộ cận nghèo, 46 người nghèo, trong đó 27 người là nữ. <p>Tổ chức- xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 75% lao động trong tổng số lao động tham gia trồng trọt là nữ - Thuốc bảo vệ thực vật sử dụng chưa đúng liều lượng - Một bộ phận người dân thiếu kiến thức, kỹ thuật chăm sóc cây trồng <p>* Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân lao động còn chủ quan khi có rét đậm rét hại. - Một bộ phận người dân phòng chống rét đậm rét hại một cách chưa khoa học. 	<p>Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 1 trạm bơm tưới nước - Hệ thống loa truyền thanh của xã gồm 40 cái (Trong đó 60% hoạt động tốt, 40% còn lại được tu sửa thường xuyên). - 100% hộ gia đình có ti vi, 60% hộ dân được tiếp cận với internet, tiếp xúc với nhiều nguồn thông tin về thiên tai, các kỹ thuật chăm sóc cây trồng. <p>Tổ chức- xã hội:</p> <p>Đài truyền thanh thị trấn phát các bản tin khuyến cáo người dân biện pháp phòng chống rét cho cây trồng.</p> <p>* Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân chủ động che chắn cho cây trồng.... - Một bộ phận người dân biết ứng dụng khoa học kỹ thuật để chăm sóc cây trồng 	- Mất mùa, giảm năng suất lúa và hoa màu	-Cao
....	Ghi chú khác					

10. Chăn nuôi

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão	Tiểu khu 1,2,3	665	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 15 hộ chăn nuôi chuồng trại tạm bợ, 4 hộ chăn nuôi gia súc còn thải chất thải chăn nuôi trực tiếp ra môi trường <p>* Tổ chức- xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ chăn nuôi chưa được tập huấn kỹ thuật <p>* Nhận thức,kinh nghiệm, thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hộ dân chưa có kiến thức phòng chống bão cho gia súc gia cầm - Một số hộ chưa áp dụng khoa học kỹ thuật, nuôi tự phát, nhỏ lẻ - Người dân chưa biết cách xử lý xác chết súc vật đúng quy cách 	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 16 hộ có chuồng trại chăn kiên cố - Hệ thống loa truyền thanh của xã gồm 40 cái (Trong đó 60% hoạt động tốt, 40% còn lại được tu sửa thường xuyên). - 100% hộ gia đình có ti vi, 60% hộ dân được tiếp cận với internet, tiếp xúc với nhiều nguồn thông tin về thiên tai, các kỹ thuật chăm sóc vật nuôi. <p>* Tổ chức- xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số hộ có tiêm phòng cho gia súc, gia cầm <p>* Nhận thức,kinh nghiệm, thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ có kiến thức kỹ thuật chăn nuôi. Chủ động vệ sinh chuồng trại đảm bảo thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuồng trại dễ bị tốc mái, gia súc, gia cầm bị chết, dịch bệnh 	<ul style="list-style-type: none"> - Cao
Lụt	Tiểu khu 1,2,3	665	<p>Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 15 hộ chăn nuôi chuồng trại tạm bợ, 4 hộ chăn nuôi gia súc hệ thống thoát nước chưa đảm bảo còn gây ô nhiễm môi trường <p>Tổ chức- xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ dân chăn nuôi bị ảnh hưởng sức khỏe khi tham gia phòng chống lụt cho gia súc, gia cầm <p>* Nhận thức,kinh nghiệm, thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hộ dân chưa có kiến thức phòng chống lụt lội cho gia súc gia cầm - Một số hộ chưa áp dụng khoa học kỹ thuật, 	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 16 hộ có chuồng trại chăn kiên cố - Hệ thống loa truyền thanh của xã gồm 40 cái (Trong đó 60% hoạt động tốt, 40% còn lại được tu sửa thường xuyên). - 100% hộ gia đình có ti vi, 60% hộ dân được tiếp cận với internet, tiếp xúc với nhiều nguồn thông tin về thiên tai, các kỹ thuật chăm sóc vật nuôi. <p>* Tổ chức- xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số hộ có tiêm phòng cho gia súc, gia cầm; tôn cao nền chuồng, 	<ul style="list-style-type: none"> - Gia súc, gia cầm nguy cơ bị chết, bị dịch bệnh 	<ul style="list-style-type: none"> - Cao

			<p>nuôi tự phát, nhỏ lẻ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân chưa biết cách xử lý xác chết súc vật đúng quy cách 	<p>* Nhận thức,kinh nghiệm, thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ có kiến thức kỹ thuật chăn nuôi. Chủ động vệ sinh chuồng trại đảm bảo thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. 		
Hạn hán	Tiểu khu 1,2,3	665	<p>Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> -15 hộ chăn nuôi chuồng trại tạm bợ,4 hộ chăn nuôi gia súc hệ thống thoát nước chưa đảm bảo còn gây ô nhiễm môi trường <p>Tổ chức- xã hội:</p> <p>Một số hộ dân chăn nuôi bị ảnh hưởng sức khỏe khi tham gia phòng chống hạn hán cho gia súc, gia cầm</p> <p>* Nhận thức,kinh nghiệm, thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hộ dân chưa có kiến thức phòng chống hạn hán cho gia súc gia cầm -Một số hộ chưa áp dụng khoa học kỹ thuật, nuôi tự phát, nhỏ lẻ 	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 16 hộ có chuồng trại chăn kiên cố - Các hộ chủ động nước tắm và vệ sinh chuồng trại cho vật nuôi. - Hệ thống loa truyền thanh của xã gồm 40 cái (Trong đó 60% hoạt động tốt, 40% còn lại được tu sửa thường xuyên). - 100% hộ gia đình có ti vi, 60% hộ dân được tiếp cận với internet, tiếp xúc với nhiều nguồn thông tin về thiên tai, các kỹ thuật chăm sóc vật nuôi. <p>* Tổ chức- xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số hộ có tiêm phòng cho gia súc, gia cầm <p>* Nhận thức,kinh nghiệm, thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ có kiến thức kỹ thuật chăn nuôi. Chủ động vệ sinh chuồng trại đảm bảo thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. 	<ul style="list-style-type: none"> - Gia súc, gia cầm nguy cơ bị chết, bị dịch bệnh 	Thấp
Rét đậm, rét hại	Tiểu khu 1,2,3		<p>Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> -15 hộ chăn nuôi chuồng trại tạm bợ,4 hộ chăn nuôi gia súc hệ thống thoát nước chưa đảm bảo còn gây ô nhiễm môi trường <p>Tổ chức - xã hội:</p> <p>Một số hộ dân chăn nuôi bị ảnh hưởng sức khỏe khi tham gia phòng chống hạn hán cho gia súc, gia cầm</p>	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 16 hộ có chuồng trại chăn kiên cố - Hệ thống loa truyền thanh của xã gồm 40 cái (Trong đó 60% hoạt động tốt, 40% còn lại được tu sửa thường xuyên). - 100% hộ gia đình có ti vi, 60% hộ dân được tiếp cận với internet, tiếp xúc với 	<ul style="list-style-type: none"> - Gia súc, gia cầm nguy cơ bị chết, bị dịch bệnh 	- Cao

			<p>* Nhận thức,kinh nghiệm, thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hộ dân chưa có kiến thức phòng chống rét đậm rét hại cho gia súc gia cầm -Một số hộ chưa áp dụng khoa học kỹ thuật, nuôi tự phát, nhỏ lẻ -Người dân chưa biết cách xử lý xác chết súc vật đúng quy cách 	<p>nhiều nguồn thông tin về thiên tai, các kỹ thuật chăm sóc vật nuôi.</p> <p>* Tổ chức - xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số hộ có tiêm phòng cho gia súc, gia cầm <p>* Nhận thức,kinh nghiệm, thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ có kiến thức kỹ thuật chăn nuôi. Chủ động vệ sinh chuồng trại đảm bảo thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. 		
....	Ghi chú khác: Các tiểu khu Hưng Long và Ba Đình 2 không có hộ tham gia chăn nuôi.					

11. Thủy Sản

Chỉ 4 hộ nuôi, chủ yếu nuôi tự cung tự cấp (Không phân tích nội dung này vì tỉ trọng rất ít trong tổng thu nhập).

12. Du lịch

Không có du lịch

13. Buôn bán và dịch vụ khác

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão	Toàn thị trấn	999	<p>Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - 524 hộ tham gia vào kinh doanh dịch vụ, trong đó có 47 hộ có địa điểm kinh doanh không ổn định(không có lều quán, buôn thúng bán mẹt); - 79 hộ kinh doanh và chợ huyện nằm dọc hai bờ sông Hưng Long là vùng có nguy cơ cao khi có gió bão nước dâng cao; - 50 số cơ sở kinh doanh đều làm lều quán tạm bợ. 	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thị trấn có 477 hàng quán được xây dựng kiên cố và có địa điểm cố định - Một số hộ có đại lý cung cấp 41 hàng hóa mùa thiên tai - Một số hộ biết đầu tư, đa dạng 41 loại hàng hóa. - Hệ thống loa truyền thanh của xã gồm 40 cái (Trong đó 60% hoạt động tốt, 40% còn lại được tu sửa thường xuyên). 	<ul style="list-style-type: none"> - Cửa hàng, Lều quán có nguy cơ bị hư hỏng, sập đổ khi có bão từ cấp 10 trở lên. - Hàng hóa hư hỏng, có khi mất vốn, thiếu nợ 	<ul style="list-style-type: none"> -Trung bình - Thấp

			<p>*Tổ chức- Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ nữ tham gia vào kinh doanh chiếm 80%, khi có bão lũ khó khăn trong chẳng chống nhà quán, cơ sở kinh doanh . <p>* Nhận thức,kinh nghiệm, thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi có bão lũ một bộ phận tiểu thương vẫn tham gia bán hàng chủ quan không chẳng chống quán; - Đa số tiểu thương thiếu kiến thức PCTT, 	<ul style="list-style-type: none"> - 100% hộ gia đình có ti vi, 60% hộ dân được tiếp cận với internet, tiếp xúc với nhiều nguồn thông tin về thiên tai. <p>* Tổ chức- xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ đã chủ động học tập nâng cao năng lực về kinh doanh, buôn bán nhỏ <p>* Nhận thức,kinh nghiệm, thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hộ kinh doanh chủ động cập nhật nắm bắt thông tin khi có thiên tai 		
Hạn hán, nắng nóng	Toàn thị trấn	999	<p>Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 524 hộ tham gia vào kinh doanh dịch vụ, trong đó có 47 hộ có địa điểm kinh doanh không ổn định (không có lều quán, buôn thúng bán mẹt); - 501 hộ kinh doanh không có các phương tiện Phòng cháy chữa cháy; - 50 số cơ sở kinh doanh đều làm lều quán tạm bợ, các vật liệu dễ cháy. - Mật độ các cơ sở hàng quán dày, sát nhau. <p>*Tổ chức - Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ nữ tham gia vào kinh doanh chiếm 80%. - Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các tiểu thương về công tác phòng cháy chữa cháy còn hạn chế. - Chưa kiểm tra chặt chẽ và thường xuyên công tác phòng cháy và các thiết bị chữa cháy tại các cơ sở kinh doanh. - Chưa có các cuộc diễn tập về phòng cháy chữa cháy tại các khu kinh doanh tập trung (Chợ trung tâm) <p>* Nhận thức,kinh nghiệm, thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một bộ phận tiểu thương chủ quan trong phòng chống cháy nổ khi có hạn hán; - Đa số tiểu thương thiếu kiến thức PCTT, phòng chống cháy nổ. 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - 50% nhà quán, địa điểm kinh doanh kiên cố; - 477 hộ kinh doanh có địa điểm kinh doanh ổn định; - 23 hộ kinh doanh có trang bị phòng cháy chữa cháy tại cơ sở kinh doanh. - Hệ thống loa truyền thanh của xã gồm 40 cái (Trong đó 60% hoạt động tốt, 40% còn lại được tu sửa thường xuyên). - 100% hộ gia đình có ti vi, 60% hộ dân được tiếp cận với internet, tiếp xúc với nhiều nguồn thông tin về thiên tai. - Khu chợ trung tâm huyện mới xây dựng và có hệ thống nước chữa cháy. <p>*Tổ chức - Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Thành lập các tổ dân phòng PCCC ở Thị trấn và các Tiểu khu; - Tổ chức tập huấn phòng cháy chữa cháy cho các chủ cơ sở kinh doanh trên địa bàn. <p>* Nhận thức,kinh nghiệm, thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức tuyên truyền cho các hộ kinh doanh nâng cao ý thức phòng chống cháy nổ khi có hạn hán xảy ra trên địa bàn 	<p>-Nguy cơ cháy nổ nhà hàng, quán;</p> <p>- Nguy cơ nắng nóng nhiệt độ cao làm hỏng hóc hàng hóa, thiệt hại kinh tế của các tiểu thương.</p>	<p>Cao</p> <p>Cao</p>
....	Ghi chú khác					

14. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão	Toàn thị trấn	999	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu loa cầm tay, âm ly di động ở các tiểu khu để truyền truyền lưu động khi có cảnh báo thiên tai - Thiếu các phương tiện cảnh báo sớm <p>* Tổ chức- xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác truyền truyền đôi lúc chưa được thường xuyên <p>* Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân còn chủ quan khi thiên tai đến - Một số người dân chưa có ý thức bảo vệ hệ thống truyền thanh công cộng 	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống loa truyền thanh dưới các tiểu khu tốt gồm 40 cái 100% hộ có ti vi; 100% hộ có điện thoại liên lạc - 60% các hộ tiếp cận internet <p>* Tổ chức - xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đã tuyên truyền về PCTT - Có dự báo, thông báo cấp độ bão đến các hộ dân <p>* Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân có ý thức cập nhật nắm bắt thông tin khi có thiên tai 	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống truyền thanh gầy, đồ, hư hỏng - Không đảm bảo thông tin liên lạc, dự báo, cảnh báo khi có bão 	Trung bình
....	Ghi chú khác					

15. Phòng chống thiên tai/TỰBĐKH

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão, Lụt	Toàn thị		<p>* Vật chất:</p>	<p>* Vật chất:</p>	Đội xung kích	Trung bình

	trần		<ul style="list-style-type: none"> - Đội xung kích thiếu phương tiện cứu hộ cứu nạn, chưa được trang bị bảo hộ cá nhân * Tổ chức - xã hội: - Ban lãnh đạo thôn, người dân chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BDKH - Chưa được diễn tập PCTT đều hàng năm - Phụ nữ ít tham gia vào các hoạt động PCTT * Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ động cơ: - ý thức phòng chống thiên tai chủ quan, sự chuẩn bị chưa được chu đáo khi có thiên tai. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đội xung kích và lực lượng cơ động dưới tiểu khu được trang bị một số thiết bị cứu nạn, cứu hộ cơ bản. - Hệ thống loa truyền thanh của xã gồm 40 cái (Trong đó 60% hoạt động tốt, 40% còn lại được tu sửa thường xuyên). - 100% hộ gia đình có tivi, 60% hộ dân được tiếp cận với internet, tiếp xúc với nhiều nguồn thông tin về thiên tai. * Tổ chức - xã hội: - Một số hộ dân biết gia cố chằng chống nhà cửa trước mùa thiên tai - Người dân có kinh nghiệm trong ứng phó với thiên tai - Các hộ gia đình có dự trữ lương thực thực phẩm 2-3 ngày trong mùa thiên tai. * Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ động cơ: - Người dân biết cách tiếp cận và cập nhật thông tin khi có thiên tai 	không đủ điều kiện thực hiện nhiệm vụ cứu hộ cứu nạn khi có thiên tai	
--	------	--	---	---	---	--

16. Giới trong PCTT và BDKH

Loại hình thiên tai/BDKH	Tên thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰ BDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật ỏp dụng)	Rủi ro thiên tai/BDKH	Mức độ (Cao, Trung bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão – Lụt	Toàn thị trấn	999 hộ/104 hộ phụ nữ chủ hộ	<ul style="list-style-type: none"> - Phụ nữ làm chủ hộ: 104 (chiếm 10,4%) - Phụ nữ đơn thân có 89 người (chiếm 2,2% số dân) nên phụ nữ phải tự thực hiện các công việc PCTT - 12% hộ (119 hộ) có chồng thường xuyên đi làm ăn xa nên phụ nữ phải tự chủ động chằng chống nhà cửa kê kích vật dụng. - 8% phụ nữ đi làm ăn xa cùng với với chồng để lại con cái cho Ông Bà nuôi 	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống loa truyền thanh của xã gồm 40 cái (Trong đó 60% hoạt động tốt, 40% còn lại được tu sửa thường xuyên). - 100% hộ gia đình có tivi, 60% hộ dân được tiếp cận với internet, tiếp xúc với nhiều nguồn thông tin về thiên tai. - Đa số chị em phụ nữ chủ hộ tự khắc phục khó khăn, không ỷ lại sự hỗ trợ người khác. - Công tác PCTT đa số nam giới tích cực tham gia và là lực lượng chủ yếu hỗ trợ giúp đỡ gia 	<ul style="list-style-type: none"> - Phụ nữ có nguy cơ cao bị tai nạn khi tham gia chằng chống nhà cửa, bị đuối nước khi nước tràn cục bộ - Nam giới có nguy cơ cao 	<p>Trung bình</p> <p>Trung bình</p>

		<p>thường thiếu nhân lực để PCTT (gia cố, chằng chống cửa, sơ tán...)</p> <ul style="list-style-type: none"> - 90% phụ nữ không biết bơi, - 265 người cao tuổi là nữ giới và 523 nam giới cần sự hỗ trợ khi phải di dân toàn - 65% nam và nữ đều thiếu kiến thức về PCTT/BĐKH (nữ ít tham dự tập huấn) 	<p>đình neo đơn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phụ nữ có năng lực thực hiện tốt công tác tuyên truyền các hộ vùng nguy cơ cao đi sơ tán và chuẩn bị hậu cần. - Nam giới có năng lực thực hiện tốt vai trò chằng chống nhà cửa , tham gia cứu hộ cứu nạn - Trong gia đình nam, nữ đều quản lý chi tiền và chi tiêu của gia đình (mua sắm lớn, cưới vợ cưới chồng cho con vợ chồng đều bàn bạc và cùng quyết định) - Nam mua sắm vật liệu để chằng chống, gia cố và nâng cấp nhà an toàn chống thiên tai và có bàn bạc thống nhất. - Cả hai đều tham gia sản xuất phát triển kinh tế cho gia đình - 70-80% nữ tham gia chủ yếu vào sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi. 	<p>trong cứu hộ phòng chống thiên tai TỰBĐKH</p>	
....	Ghi chú khác				

17. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác

Không.

D. Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp

1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH

TT	Rủi ro thiên tai	TTDBTT	Nguyên nhân	Giải pháp
1	Nguy cơ ô nhiễm môi trường khi có ngập lụt	<ul style="list-style-type: none"> - Rác thải ứ đọng khi có bão, lụt - Chất thải trong chăn nuôi chưa được xử lý; - Nhà máy đốt, xả khí thải ra môi trường; - Nước, hóa chất tẩy rửa thải ra môi trường không qua xử lý; - Công trình nhà, xưởng sản xuất, kinh doanh dễ bị ngập, cháy nổ, hỏa hoạn 	<ul style="list-style-type: none"> - Công tác thu gom thiếu kịp thời; - Hệ thống tiêu thoát nước trong khu dân cư xuống cấp. - Chất thải trong chăn nuôi xử lý theo hình thức thủ công; - Điều kiện kinh tế của một số hộ dân còn khó khăn - Cơ quan quản lý chưa quan tâm - Xử lý những vi phạm chưa nghiêm; chưa triệt để. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường lực lượng thu gom sau bão. - Nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước trong khu dân cư; - Nâng cao ý thức của người dân xử lý chất thải chăn nuôi bằng hình thức bioga, đệm lót sinh học; - Có chính sách hỗ trợ để nhân dân xây dựng công trình vệ sinh đảm bảo hợp vệ sinh.
2	Nguy cơ ô nhiễm môi trường từ nhà máy MSVina và lò đốt rác của bệnh viện.	<ul style="list-style-type: none"> - Các mương xả ra sông khi nước cạn bốc mùi hôi; - Lò xử lý rác của bệnh viện gây ô nhiễm môi trường; - Cống thoát nước thải sinh hoạt bị tắc dòng chảy. - 20 – 30 % hộ dân còn công trình vệ sinh chưa đảm bảo (58 hộ) - Một số khu dân cư chưa có hệ thống tiêu thoát nước. - Các cơ quan chuyên môn chưa quan tâm - Ý thức một số hộ dân còn hạn chế, còn xả rác bừa bãi. - Người dân thiếu kiến thức quản lý RRTT, sức khỏe, vệ sinh, môi trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Xử lý chất thải y tế còn thủ công; - Nhà xưởng, kho tàng xuống cấp, thiết bị phòng cháy chữa cháy không đảm bảo, xây dựng bằng vật liệu rẻ tiền dễ bắt lửa. - Cống rãnh xây dựng lâu ngày, rác thải xây dựng gây ách tắc dòng chảy - Một số cụm dân cư không có rãnh thoát nước; - Ý thức của người dân chưa cao; - Chưa có chế tài xử phạt hành vi vi phạm vệ sinh môi trường 	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng chế tài và thực hiện xử lý nghiêm những vi phạm; - Thành lập đội thanh tra vệ sinh môi trường cơ động tại địa phương. - Tuyên truyền vận động người dân tự giác chấp hành vệ sinh môi trường; - Tổ chức tập huấn nâng cao nhận thức cho người dân. - Người dân tự giác phối hợp tổ chức nạo vét khơi thông cống rãnh.

<p>3</p>	<p>Nguy cơ nhà ở, xưởng sản xuất, kho tàng bị hư hỏng khi có bão từ cấp 10 trở lên</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà bán kiên cố, nhà thiếu kiên cố, nhà đơn sơ (370 cái); - Nhà xưởng, nhà kho lều quán xây dựng tạm bợ (320 cái); - Thiếu nhân lực để chằng chống trước mùa thiên tai, toàn Thị trấn có 43 hộ nữ là chủ hộ trụ cột gia đình (nữ 21 hộ là nữ đơn thân) người nghèo: 46; Người khuyết tật : 54 (nữ 29); Người mắc bệnh hiểm nghèo: 27 (nữ 9); Người cao tuổi 473 (nữ 265); Phụ nữ có thai 67; Trẻ em dưới 16 tuổi 739 (nữ 406) - Đội xung kích của Thị trấn và các đơn vị Tiểu khu thiếu trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn - Đã được trang bị xong lâu năm đã bị xuống cấp; - Chủ quan, thiếu cập nhật thông tin, chuyên môn, nghiệp vụ; -Lực lượng xung kích cơ sở thiếu kiến thức về quản lý rủi ro thiên tai và kỹ năng cứu hộ cứu nạn - Việc cập nhật, khai thác thông tin còn hạn chế - Một số hộ còn chủ quan trong việc phòng chống thiên tai - Thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai và quản lý rủi ro thiên tai. - Ý thức một số người dân còn hạn chế; không có ý thức bảo vệ tài sản công cộng và cập nhật thông tin hàng ngày 	<ul style="list-style-type: none"> -Nhà xưởng xây dựng lâu năm đã xuống cấp; - Cơ sở vật chất đầu tư chưa đảm bảo; - Nhiều năm bão không vào - Không thường xuyên bảo dưỡng; - Ý thức của người dân được giao quản lý trang thiết bị còn hạn chế - Công tác tập huấn hạn chế, không thường xuyên - Không có kinh phí đầu tư trang thiết bị - Công tác tuyên truyền cho người dân về chằng chống nhà cửa chưa kịp thời; - Nhân dân chưa được tập huấn kiến thức về phòng chống bão, chằng chống nhà cửa khi có bão lớn; - Công tác dự báo chưa sát, chưa kịp thời. - Sự phối kết hợp giữa các ngành chưa kịp thời. - Ý thức của một số hộ dân còn kém. Công tác truyền truyền chưa thường xuyên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kêu gọi người dân di dời đến nơi an toàn; - Tăng cường kêu gọi đầu tư xây dựng nhà ở an toàn phòng chống thiên tai cho các hộ có khó khăn về nhà ở; - Tổ chức lực lượng chằng chống nhà cửa cho các hộ có nguy cơ cao về nhà ở - Tăng cường công tác tuyên truyền cho nhân dân những kiến thức cơ bản về chằng chống nhà cửa. -Luôn kiểm tra, đầu tư thêm trang thiết bị chống bão; - Nâng cao ý thức trách nhiệm cho cán bộ được phân công quản lý; -Tăng cường nâng cao năng lực cho đội xung kích, tình nguyện. - Thường xuyên cập nhật thông tin. - Nâng cao nhận thức cho người dân về bảo vệ tài sản và kiến thức quản lý rủi ro thiên tai/ BĐKH
<p>4</p>	<p>Nguy cơ người già, trẻ em dễ bị bệnh khi có rét đậm, rét hại.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Người già 473 người (nữ 265), trẻ em 739 (nữ 406); - Người dân tham gia bảo hiểm y tế từ 90 – 95%; 	<p>Một số người dân thiếu kiến thức về chăm sóc sức khỏe và vệ sinh môi trường</p>	<p>- Tuyên truyền cho người dân về chăm sóc sức khỏe</p>
<p>5</p>	<p>Nguy cơ Lúa và hoa</p>	<p>-5 ha diện lúa nằm vùng trũng</p>	<p>- Diện tích trồng lúa chủ yếu nằm ở ven sông thuộc vùng</p>	

	<p>màu mắt mùa giảm năng suất khi có thiên tai(Bão, lụt, rét hại, nắng nóng)</p>	<p>thường bị ngập úng..</p> <ul style="list-style-type: none"> - 3 ha diện tích dưa hấu, cây rau màu thường bị ngập úng, dập nát hỏng do Bão, Lụt, hạn hán, rét hại. - Hệ thống tiêu thoát nước nhỏ hẹp, xuống cấp - HTX hoạt động kém hiệu quả, chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa bao tiêu sản phẩm chủ yếu là người dân tự cung, tự cấp. - Nhân dân chưa được tập huấn về KHKT thường xuyên - Chưa có sự gắn kết giữa các hộ trong trồng trọt. <p>Người dân còn chủ quan, áp dụng khoa học kỹ thuật vào trồng trọt còn hạn chế.</p>	<p>trũng, thấp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 0,8 km đường nội đồng (tiểu khu 1 & 3) bằng đất chưa được kiên cố - Sử dụng giống mới chưa đồng bộ. - Do địa hình trũng thấp, hệ thống tiêu thoát nước chưa đảm bảo. - Người dân chưa thực hiện đúng theo lịch thời vụ. - Các tổ chức chưa quan tâm đến vấn đề bao tiêu đầu ra cho nông sản. - Có tập huấn nhưng chưa được nhiều, thời gian ít - Chưa được tập huấn về kiến thức , KHKT vào sản xuất lúa và trồng màu để thích ứng với biến đổi khí hậu. - Nông dân không thiết tha với đồng ruộng 	<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh vùng và chuyển sang cây trồng khác - Đầu tư nâng cấp hệ thống cầu cống, kênh mương và đường nội đồng đảm bảo đáp ứng yêu cầu. - Có phương án thu hoạch sớm trước khi thiên tai xảy ra. - Nâng cao năng lực cho HTX dịch vụ tổng hợp Thị trấn để quản lý vật tư nông nghiệp và tạo đầu ra cho sản phẩm - Tổ chức cung cấp giống mới đồng bộ thích ứng với biến đổi khí hậu. - Chuyển giao KHKT cho người dân đặc biệt là phụ nữ trong việc cấy trồng. - Nâng cao nhận thức cho người dân về áp dụng khoa học kỹ thuật trong trồng trọt.
6	<p>Nguy cơ hệ thống truyền thanh bị gãy đổ không đảm bảo công tác thông tin liên lạc khi có bão</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Một số cụm loa được mắc chung với cột điện. - Chưa có loa cầm tay - Chưa có hệ thống biển báo, cảnh báo. - Chưa có kế hoạch tu sửa thường xuyên. <p>Công tác bảo vệ hệ thống thông tin tuyên truyền của một số hộ dân còn hạn chế.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống truyền thanh được xây dựng đã lâu - Công tác duy tu bảo dưỡng chưa thường xuyên. - Cơ quan quản lý chưa quan tâm. - Thiếu sự giám sát, kiểm tra thường xuyên của cơ quan cấp trên. - Chưa có sự phối kết hợp giữa các ban ngành và cộng đồng dân cư trong việc cập nhật thông tin còn hạn chế. - Trình độ của cán bộ chuyên môn chưa đáp ứng yêu cầu. - Công tác tuyên truyền chưa thường xuyên 	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư nâng cấp hệ thống truyền thanh kiên cố. - Trang bị loa cầm tay cho các tiểu khu - Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra , nâng cao công tác quản lý và trách nhiệm. - Nâng cao nhận thức cho người dân trong việc bảo vệ hệ thống thông tin liên lạc và tình hình biến đổi khí hậu.
7	<p>Nguy cơ hệ thống cột</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Còn 10 cột điện lưới ở tiểu khu 1 và 2 thiếu kiên cố; 1000 	<ul style="list-style-type: none"> - Cột điện xây dựng đã lâu, 	<p>Nâng cấp hệ thống cột</p>

	điện bị đổ gãy, đứt dây, mất điện khi có bão.	m dây điện không đảm bảo an toàn.	chưa nâng cấp. - Nền cột không đảm bảo an toàn	và dây điện.
8	Nguy cơ cháy các cơ sở kinh doanh, nhà xưởng khi có nắng nóng kéo dài, thời tiết khô hạn.	<ul style="list-style-type: none"> - Các quầy hàng, lều quán chưa được kiên cố, đa số được xây dựng bằng vật liệu dễ cháy - Các phương tiện phòng cháy, chữa cháy chưa đảm bảo an toàn. - Các hộ kinh doanh thiếu kiến thức, kỹ năng về PCCC 	<ul style="list-style-type: none"> - Các cơ quan chuyên môn chưa quan tâm - Công tác tuyên truyền, tập huấn cho người dân chưa thường xuyên. 	<p>Đầu tư nâng cấp hệ thống PCCC tại các khu kinh doanh dịch vụ.</p> <p>Tập huấn, tuyên truyền kiến thức, kỹ năng cho các hộ kinh doanh.</p> <p>Tăng cường công tác kiểm tra PCCC định kỳ và bất thường tại các cơ sở kinh doanh, dịch vụ.</p>

2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH

Nhóm ngành/lĩnh vực (*)	Các giải pháp đề xuất (**)	Địa điểm và đối tượng hưởng lợi	Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp (***)	Thời gian dự kiến		Nguồn ngân sách dự kiến		
				Ngắn hạn (thời thực hiện dưới 2 năm)	Dài hạn (thời gian thực hiện trên 2 năm)	Nhà nước (%)	Người dân (%)	Bên ngoài hỗ trợ (%)
An toàn với người dân và cộng đồng nói chung và tách biệt giải pháp về giới	Nâng cao nhận thức cho người dân về quản lý rủi ro thiên tai và sức khỏe vệ sinh môi trường	Toàn thị trấn	- Tổ chức tập huấn cho cộng đồng.	Ngắn hạn		50%		50%
			Xây dựng chiến lược truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng			100%		
			-Xây dựng pa nô, áp phích tuyên truyền về RRTT.			50%		50%
	Nâng cao năng lực truyền thông cho cán bộ các đoàn thể ở xã – xóm	Cán bộ các đoàn thể của Thị trấn.	- Tổ chức tập huấn kiến thức, kỹ năng cho cán bộ xã	Ngắn hạn		50%		50%
			- Cung cấp trang thiết bị truyền thông cho địa phương			50%		50%
	Nhà ở	Hỗ trợ xây nhà cho hộ nghèo, hộ neo đơn	22 hộ có nhà xuống cấp	Đầu tư , cho vay vốn xây nhà cho các hộ nghèo (Đặc biệt hộ phụ nữ nghèo đơn thân)	Ngắn hạn	Dài hạn	20%	30%
Tập huấn/truyền thông nâng cao nhận thức về nhà an toàn trước thiên tai		Toàn dân trong thị trấn	Tổ chức tập huấn cho cộng đồng cả nam giới và phụ nữ.	Ngắn hạn		100%		
Nước sạch, vệ sinh và môi trường	Quản lý tốt khí thải gây ô nhiễm không khí bởi nhà máy may MS Vina và bệnh viện	Toàn thị trấn	Kiến nghị kiểm tra, giám sát chất lượng của hệ thống xử lý chất thải của nhà máy	Ngắn hạn	Dài hạn	100%		
			Kiến nghị bệnh viện đầu tư công nghệ lò đốt đáp ứng các tiêu	Ngắn hạn		100%		

			chuẩn về môi trường					
	Nâng cấp hệ thống thoát nước tại khu dân cư	5 Tiểu khu	Vận động các Tiểu khu, tổ dân phố đóng góp tu bổ, nâng cấp hệ thống rãnh thoát nước trong khu dân cư	Ngắn hạn			100%	
	Có chính sách hỗ trợ người nghèo xây dựng công trình vệ sinh đảm bảo.	17 hộ nghèo của Thị trấn	Hỗ trợ xây nhà vệ sinh cho 17 hộ nghèo, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	Ngắn hạn		50%	50%	
Giáo dục	Xử lý cành nhánh cây to trong khuôn viên trường.	Các trường học trên địa bàn	Chỉ đạo các trường học lập kế hoạch xử lý cành nhánh cây hàng năm	Ngắn hạn	Dài hạn		100%	
Buôn bán nhỏ và ngành nghề dịch vụ khác	Tăng cường năng lực phòng cháy chữa cháy cho địa phương	Toàn thị trấn	Đề nghị Thành lập đội ứng PCCC cấp huyện trú trên địa bàn thị trấn	Ngắn hạn		100%		
			Quy định bắt buộc về các điều kiện đảm bảo PCCC tại các cơ sở kinh doanh, dịch vụ	Ngắn hạn			100%	
			Diễn tập PCCC khi có hạn hán.	Ngắn hạn	Dài hạn	100%		
			Tuyên truyền nâng cao nhận thức PCCC cho người dân	Ngắn hạn	Dài hạn	100%		
Phòng chống thiên tai và TỰĐKH	Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng cứu hộ cứu nạn cho lực lượng xung kích	Đội xung kích	Tập huấn về kỹ năng cứu hộ, cứu nạn, sơ cấp cứu cho cả nam giới và phụ nữ trong đội	Ngắn hạn		100%		
			Cung cấp trang thiết bị cứu hộ	Ngắn hạn		100%		
			Diễn tập ứng phó với các tình huống	Ngắn hạn		100%		

			khẩn cấp trong thiên tai					
Lĩnh vực Bình đẳng Giới (***)	Trang bị bảo hộ lao động, tập huấn an toàn lao động, khuyến khích người dân mua BHYT, BHXH.	Nam, nữ trong độ tuổi lao động của thị trấn	Tuyên truyền cho công đồng nâng cao nhận thức về an toàn lao động, tác hại của thuốc trừ sâu, hoá chất, thuốc bảo vệ thực vật.	Ngắn hạn			100%	
	Xây dựng phương án sơ tán thiên tai có tính đến các nhu cầu khác biệt về giới.	Phụ nữ nghèo, các hộ phải đến nơi sơ tán khi có thiên tai	Rà soát, bổ sung vào phương án ứng phó thiên tai của xã các biện pháp đảm bảo đáp ứng các yêu cầu khác nhau về giới trong phương án sơ tán, lánh nạn.	Ngắn hạn		100%		

3. Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã

Thông qua lớp học và đợt đánh giá đã cung cấp kiến thức rất tốt về quản lý rủi ro thiên tai và Biến đổi khí hậu cho cán bộ địa phương. Những kết quả đánh giá đã phản ánh thực tế hiện trạng của thị trấn.

Chúng tôi sẽ căn cứ kết quả này để xây dựng kế hoạch Phòng chống và ứng phó với thiên tai trong những năm tiếp theo. Và kết quả đánh giá cũng giúp chúng tôi làm tốt hơn công tác lồng ghép các yếu tố rủi ro thiên tai và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội chung của thị trấn, đặc biệt là hạn hán – nắng nóng gây nguy cơ xảy ra cháy chợ và các cơ sở sản xuất kinh doanh, chúng tôi sẽ rất lưu ý điểm này.

Chúng tôi đề nghị dự án, trong các hoạt động của mình tiếp tục hỗ trợ các nguồn lực để đơn vị giải quyết một số các khó khăn trước mắt như: hỗ trợ xây nhà cho các hộ khó khăn, hỗ trợ trang thiết bị cứu hộ cho đội xung kích và hỗ trợ kỹ năng truyền thông cho các cán bộ đoàn thể.

**Xác nhận tiếp nhận kết quả đánh giá rủi ro thiên tai của Thị trấn
TM UBND Thị trấn**

(đã ký)

E. Phụ lục

1. Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá

TT	Họ tên (Nam/Nữ)	Đơn vị	Nam	Nữ	Số điện thoại
1	Vũ Văn Hậu	Phó CT UBND Thị trấn	X		0984436245
2	Trịnh Thị Bường	VP UBND thị trấn		X	0914424693
3	Nguyễn Văn Vinh	Trưởng tiểu khu Ba đình 2	X		'0974157025
4	Mai Thị Hương	Bí thư Đoàn TN		X	0989377059
5	Trịnh Xuân Khải	Bí Thư chi bộ Tiểu khu Hưng Long	X		0988281983
6	Mai Thế Thắng	Công Chức VH- XH	X		0989642610
7	Mai Văn Đức	Bí thư Chi bộ 1	X		Không
8	Trần Xuân Cường	Trưởng tiểu khu 3	X		0944551486
9	Nguyễn Thế Phương	Trưởng tiểu khu 2	X		'0856060885
10	Trương Thị Ngân	Công chức Văn phòng		X	'0914424693

2. Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn Công cụ 2: Lịch sử thiên tai Thị trấn Nga Sơn - Huyện Nga Sơn tỉnh Thanh Hóa

Tháng năm	Loại hình thiên tai	Đặc điểm/xu hướng	Khu vực chịu thiệt hại	Thiệt hại gì/Mức độ thiệt hại (ANCD, SXKD, SKVSMT)	Tại sao bị thiệt hại (Nguyên nhân về VC, TCXH, NT,KN,TĐ,ĐC)	Đã làm gì để PCTT
7/2005	Bão	- Gió giật mạnh cấp 10 đến cấp 12, kèm theo mưa to trên 300 mm - Bão vào lúc thủy triều dâng cao - Đường đi của bão phức tạp.	Toàn Thị trấn	1. ATCD: - Nhà tốc mái: 50 cái; - Cột điện đổ: 2 cái; - Cây xanh bị đổ: 503 cây - Chợ bị tốc mái 2. Sản xuất kinh doanh: - Ruộng lúa 5 ha bị ngập úng - Ruộng màu 3 ha bị thiệt hại Chăn nuôi: Một số chuồng trại tốc mái, gia cầm bị dịch bệnh 3. Vệ sinh môi trường: - Nguồn nước sinh hoạt bị ô nhiễm - Rác thải thu gom không kịp thời	1. Vật chất: - 500 ngôi nhà thiếu kiên cố và đơn sơ - Cột điện sử dụng lâu năm bị xuống cấp; - Cắt tỉa cành cây chưa kịp thời - Chợ làm thiếu kiên cố, chủ yếu là các lều quán tạm bợ 3. Tổ chức, Xã hội: - Công tác dự báo chưa sát, chưa kịp thời. - Hệ thống tiêu úng chưa đảm bảo - Chuồng trại đơn sơ, nền chuồng thấp tạm bợ - Lượng rác thải quá	Thông tin tuyên truyền, cảnh báo - Họp Ban chỉ đạo để phân công; - Tổ chức lực lượng, chằng chống nhà cửa cho những hộ khó khăn; - Di dời hộ cô đơn đến nhà an toàn; - Tổ chức khắc phục hậu quả sau bão; - Thống kê thiệt hại sau bão; - Tổ chức thu dọn vệ sinh môi

				<ul style="list-style-type: none"> - Chất thải chăn nuôi, công trình vệ sinh gây ô nhiễm môi trường - Hệ thống tiêu thoát nước trong khu dân cư bị ách tắc dòng chảy - Dịch bệnh (đau mắt đỏ, tiêu chảy). 	<p>lớn, nhân lực thu gom chưa đủ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công trình vệ sinh chưa đảm bảo 80 %; - Chất thải chăn nuôi chưa được xử lý; - 50% hộ dân dùng nước giếng khoan từ 5-6 m, 50% dùng giếng khơi - Công tác tuyên truyền chưa thường xuyên. <p>2. Kinh nghiệm, thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân chủ quan; thiếu kiến thức PCTT - Thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai. <p>-Nước sông quá cao không thoát được; -Nhà chưa kiên cố; - Hệ thống tiêu nước không đáp ứng; - Diện tích cấy, trồng nằm ở vị trí ven sông thuộc vùng trũng thấp;</p>	<p>trường;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức cứu trợ nhân dân nơi khác về tránh trú tại địa phương.
8/2011	Bão, mưa, ngập lụt	Mức nước dâng cao > 1m so với mức bình thường, thời gian ngập 3 ngày, mưa to kéo dài, lượng mưa 300mm		<p>1.ATCĐ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chết 01 người; - Nhà tốc mái: 10 nhà- <p>2. SXKD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 5 ha lúa bị ngập; 5,4 ha hoa màu (Tiểu khu 1, Tiểu khu 2) bị hư hại nặng, 2ha màu ở Tiểu khu bị mất trắng - Thủy sản 1 ha bị ngập tràn bờ mất con giống <p>3. SK-VSMT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất thải, nước thải chăn nuôi, công trình vệ sinh ảnh hưởng môi trường, nguồn nước sinh hoạt bị ô nhiễm. - Hệ thống tiêu thoát nước trong khu dân cư bị ách tắc dòng chảy. - Lượng rác thải quá nhiều, không thu gom kịp gây ô nhiễm môi trường. - Dịch bệnh ở người phát sinh (đau mắt đỏ, tiêu chảy...) 	<ul style="list-style-type: none"> - Chất thải chăn nuôi chủ yếu được ủ bằng rơm rạ. - Hệ thống tiêu thoát nước xây dựng lâu năm xuống cấp; và bị vùi lấp do phế thải xây dựng vùi lấp. - 30 % hộ dân còn dùng giếng khơi -Vị trí ruộng nằm ở vùng trũng, thấp; -Nhà cấp 4 xuống cấp có nguy cơ cao 	<p>Huy động người dân tìm nạn nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> -Giăng lưới bao quang bờ ao đầm -Thu dọn vệ sinh -Tháo nước, khơi thông dòng chảy.
2/2008	Rét đậm, rét hại	Nhiệt độ xuống thấp 6-7 độ C	Toàn Thị trấn	<ul style="list-style-type: none"> - Mạ, lúa xạ bị chết phải gieo lại. - Cây rau màu bị giập nát, 	<p>Công tác che chắn chưa kịp thời.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuồng trại tạm bợ, 	<p>Tuyên truyền che chắn cho mạ và cây màu.</p>

		- Thời gian kéo dài - Có đợt rét 38 ngày.		giảm năng suất. - Gia súc, gia cầm bị chết, dịch bệnh, chậm phát triển. - Người già, trẻ em mắc bệnh hô hấp.	đơn sơ - Chưa thực hiện việc tiêm chủng thường xuyên cho gia súc, gia cầm. - Sức đề kháng của người già và trẻ em yếu.	- Tăng cường tu bổ gia cố, vệ sinh chuồng trại đảm bảo thoáng mát về mùa hè, ẩm áp về mùa đông. - Tuyên truyền, tập huấn kiến thức chăm sóc sức khỏe cho nhân dân trong giai đoạn chuyển mùa.
--	--	--	--	--	--	--

Công cụ 3: Lịch theo mùa Thị trấn Nga Sơn- Huyện Nga Sơn- Thanh Hóa :

Thiên tai	Tháng (Dương lịch)												Xu hướng của thiên tai		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12			
Bão – Áp thấp, Lụt					[Bar chart showing high frequency from month 5 to 11]									- Xuất hiện sớm hơn và kết thúc muộn hơn - Cường độ mạnh hơn; - Đường đi của bão phức tạp; - Mực nước lớn hơn; - Thời gian kéo dài hơn;	
Rét hại	[Bar chart showing high frequency in months 1-3]												[Bar chart showing high frequency in month 12]	- Nhiệt độ thấp hơn 6 - 7 độ C - Đợt rét tăng, thời gian rét nhiều hơn (38 ngày). - Rét kèm theo sương muối. - Sương mù dày đặc, tầm nhìn hạn chế - Rét đậm, rét hại, rét buốt.	
Nắng nóng					[Bar chart showing high frequency from month 6 to 9]									- Nhiệt độ ngày nắng cao hơn từ 1 -3°C (39 -41°C) - Kèm theo gió Lào, ngạt nam từ 10 – 20 ngày/ tháng - Thời gian nắng kéo dài, số đợt nắng nhiều hơn	
Hoạt động KT- XH	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Ảnh hưởng của thiên tai	Tại sao ? (đánh giá TTDBTT)	Kinh nghiệm PCTT (NLPCTT)

<p>Trồng trọt :</p> <p>- Lúa, rau màu</p> <p>Nam: 10%, nữ 90%</p>	<p>Lúa chiêm</p>	<p>Lúa mùa</p>		<p>* Bão, Áp thấp, mưa, lụt</p> <p>- Cây trồng đổ gãy, dập nát, giảm thời gian sinh trưởng, dẫn đến giảm năng suất.</p> <p>* Rét cây trồng kém phát triển dẫn đến chết.</p> <p>* Nắng nóng cây khô cằn kém phát triển</p>	<p>- Nước từ thượng nguồn đổ về kết hợp triều cường nên cây trồng bị ngập úng, chết.</p> <p>Do địa hình trũng thấp</p> <p>Phụ thuộc vào nguồn nước đầu nguồn.</p>	<p>- Kiên cố hệ thống kênh mương;</p> <p>- Tháo nước khơi thông dòng chảy;</p> <p>- Gieo lại mạ;</p> <p>- Trùm nilong cho mạ, cây lạc.</p> <p>- Thay đổi cơ cấu giống cây trồng cho phù hợp.</p> <p>- Áp dụng các tiến bộ KHKT vào sản xuất..</p> <p>- Xây dựng lịch thời vụ đúng với thời gian quy định.</p>
<p>Chăn nuôi:</p> <p>- Lao động nam 70%</p> <p>- Lao động nữ 30%</p>				<p>* Bão, lụt:</p> <p>- Chuồng trại bị sụp đổ, vật nuôi bị ảnh hưởng dịch bệnh, gia cầm bị chết;</p> <p>- Ao đầm, hồ bị ô nhiễm nguồn nước</p> <p>- Thiệt hại 90%.</p> <p>- 100% diện tích Ao, hồ đầm bị phá vỡ.</p> <p>* Rét:</p> <p>- Vật nuôi chậm phát triển, dịch</p>	<p>* Vật chất:</p> <p>- Chuồng trại tạm bợ.</p> <p>- Che chắn chưa đảm bảo.</p> <p>* Tổ chức, xã hội:</p> <p>- Có tổ chức lớp tập huấn nhưng người dân ít tham gia.</p> <p>- Chưa áp dụng đúng về KHKT</p> <p>- Người dân đang còn chủ quan trong PCTT.</p>	<p>- Đốt lửa;</p> <p>- Tiêm phòng dịch bệnh đầy đủ.</p> <p>- Dự trữ thức ăn cho gia súc, gia cầm.</p> <p>- Có các giải pháp xử lý phù hợp khi nhiệt độ, môi trường thay đổi.</p>

		rút kinh nghiệm trong việc thực hiện PCTT	- Kế hoạch PCTT chưa được phổ biến rộng rãi đến toàn thể người dân.	
2	Hệ thống thông tin cảnh báo sớm	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống truyền thanh gồm 5 cụm loa với 35 cái phủ khắp trên 5 tiểu khu, mỗi khu có 5- 8 loa. - khoảng 70-90% người dân được tiếp cận và nghe được thông tin của Thị trấn - Có máy tăng âm phục vụ tuyên truyền. - Khi có thiên tai được thông tin trên loa truyền thanh. - Hệ thống thông tin đại chúng khác: Ti vi đạt 100%, mạng internet đạt 50% 	<ul style="list-style-type: none"> - Trang thiết bị chưa được trang bị đầy đủ; - Ở Tiểu khu chưa có loa tay; - Công suất loa thấp , dây nhỏ được mắc chung với cột điện - Hệ thống loa tại các Tiểu khu đang có dấu hiệu hư hỏng, xuống cấp do được đầu tư đã lâu. - Chưa có hệ thống biển báo,cảnh báo sớm. 	- Đầu tư trang bị hệ thống loa cầm tay cho cơ sở đảm bảo thông tin liên lạc khi có thiên tai
3	Công trình PCTT Đê, cống, trạm bơm	<ul style="list-style-type: none"> - 75 % sông được kè kiên cố; - Kênh mương tiêu nước đã được kiên cố hóa - Tiểu khu Hưng Long và Tiểu khu Ba Đình 2 có nhiều địa điểm an toàn để tránh trú bão. - Thường xuyên tổ chức nạo vét kênh mương. 	<ul style="list-style-type: none"> - Còn 0,3 km sông Hưng Long chưa kè; còn 0.3 km kênh mương tại Tiểu khu 3 chưa được kiên cố . - Một số đoạn mương chưa được nạo vét kịp thời; - Một số cống tiêu xuống cấp, chưa đáp ứng được yêu cầu hiện tại: Cống Từ lõi, cống Cầu Ròm, cống Đồng Từ, cống Chài 	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước khu dân cư (tiểu khu 3) - Tăng cường công tác nạo vét kênh mương khơi thông dòng chảy.
4	Phương châm 4 tại chỗ	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ huy tại chỗ: Kiện toàn BCĐ phân công các thành viên phụ trách các lĩnh vực, ứng phó khi có bão lũ gây ra - Lực lượng tại chỗ: Trực 24/24, huy động lực lượng tham gia chữa cháy nhà cửa cho các hộ gia đình khó khăn (nam chiếm 70%, nữ 30%). - Hậu cần tại chỗ: Có nguồn dự trữ lương thực, thực phẩm, nước uống, cơ sở thuốc cho PCTT - Vật tư, phương tiện tại chỗ: Giao chỉ tiêu cho các Tiểu khu vật tư: bao bì, cọc tre, đá học, cát, sọt sắt, xe tải vv . 	<ul style="list-style-type: none"> - Một số cán bộ còn hạn chế về năng lực. kỹ năng ứng phó với thiên tai - Công tác huy động chưa kịp thời như việc huy động lực lượng chữa cháy nhà cửa cho nhân dân có nhà ở chưa an toàn - Một số vật tư chất lượng kém, phương tiện xe tải huy động khó, chưa kịp thời. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao năng lực cho đội xung kích Thị trấn và cơ sở - Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân về quản lý rủi ro thiên tai thích ứng với biến đổi khí hậu
5	Nhận thức, kinh nghiệm,	<ul style="list-style-type: none"> - Đa số người dân có hiểu biết, có kinh nghiệm về phòng chống thiên tai; 30 % người dân biết bơi 	<ul style="list-style-type: none"> - Người dân chưa được tập huấn thường xuyên và chưa 	Nâng cao nhận thức cho người dân về kiến thức

ý thức chấp hành của người dân	<ul style="list-style-type: none"> - Người dân chủ động dự trữ nhu yếu phẩm khi có thiên tai; - Nhân dân thường xuyên được tiếp cận thông tin về PCTT đạt 100% - Chủ động chuẩn bị sẵn sàng vật tư PCTT đạt 100% - Tỷ lệ sơ tán khi có thiên tai đạt 100%. 	<ul style="list-style-type: none"> được diễn tập PCTT chiếm 90%. - Chủ quan thiếu chuẩn bị chiếm 50% - Tỷ lệ nhân dân không biết bơi 70% - Lực lượng lao động chính đi làm ăn xa nhiều, ở tại các gia đình chủ yếu là người già và trẻ em. 	quản lý rủi ro thiên tai, sức khỏe và vệ sinh môi trường.
---------------------------------------	--	--	---

Hiện trạng và các giải pháp thích ứng biến đổi khí hậu (Thảo luận với người dân)

Biểu hiện của BĐKH	Kéo theo các hiện tượng thời tiết cực đoan/ các nguy cơ gì	Các vùng bị ảnh hưởng	Các lĩnh vực khía cạnh bị ảnh hưởng (3 khía cạnh, 3 lĩnh vực)	Những rủi ro BĐKH gây ra	Giải pháp(*)	
					Giảm nhẹ RRTT và thích ứng	Việc giảm phát thải khí nhà kính (tiết kiệm năng lượng)
Nhiệt độ tăng	Nắng gắt có gió Lào, gây hạn hán.	Toàn thị trấn	Gây cháy chợ, nhà xưởng sản xuất, kinh doanh.	Cháy chợ và các cơ sở kinh doanh, dịch vụ.	<ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị Thành lập đội ứng PCCC cấp huyện trú trên địa bàn thị trấn - Quy định bắt buộc về các điều kiện đảm bảo PCCC tại các cơ sở kinh doanh, dịch vụ - Diễn tập PCCC khi có hạn hán. - Tuyên truyền nâng cao nhận thức PCCC cho người dân 	
		Toàn thị trấn	Ảnh hưởng sức khỏe người dân	Người có thể bị ốm, ảnh hưởng sức khỏe cộng đồng	Tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về biến đổi khí hậu. Biện pháp bảo vệ sức khỏe khi có thiên tai (hạn hán)	
Bão gia tăng	Tàn phá mạnh	Toàn thị trấn	Tất cả các lĩnh vực	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe cộng đồng. - Thiệt hại về nhà ở, cơ sở hạ tầng công cộng và các cơ sở sản xuất kinh doanh. - Gây ô nhiễm môi trường 	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về RRTT, BĐKH. - Xây nhà chống bão cho các hộ có hoàn cảnh khó khăn. - Củng cố năng lực cứu hộ, cứu nạn cho đội xung kích của thị trấn 	

Công cụ: Xếp hạng RRTT Thị trấn Nga Sơn

TT	RRTT	Xếp hạng của nhóm HTKT			Xếp hạng của Cụm thôn 1			Xếp hạng kiểm chứng			Tổng	Xếp hạng
		Nam (11)	Nữ (4)	Tổng (15)	Nam (9)	Nữ (17)	Tổng (29)	Nam (9)	Nữ (10)	Tổng (19)		
1	Nguy cơ thiệt hại về nhà ở khi có bão từ cấp 10 trở lên	15	5	20	7	8	15	20	6	26	61	4
2	Nguy cơ thiệt hại về nhà xưởng kho tàng khi có bão từ cấp 10 trở lên	4	1	5	6	7	13	1	3	4	22	8
3	Hệ thống điện có nguy cơ bị đứt đường dây, mất điện khi có bão	0	0	0	7	10	17	10	20	30	47	6
4	Hệ thống truyền thanh có nguy cơ bị gãy đổ khi có bão	0	0	0	4	10	14	1	7	8	22	9
5	Nguy cơ cháy các cơ sở KD, nhà xưởng bị cháy khi có nắng nóng kéo dài, thời tiết khô hạn	18	2	20	21	23	44	6	11	17	81	3
6	Nguy cơ ô nhiễm môi trường từ nhà máy Tiên Sơn và khi có bão, lụt	14	4	18	10	39	49	23	20	43	110	1
7	Người già, trẻ em dễ bị mắc bệnh khi có rét đậm, rét hại	0	0	0	6	11	17	6	5	11	28	7
8	Nguy cơ nguồn nước sinh hoạt bị ô nhiễm do thủy triều xâm lấn sông Hoạt	10	8	18	12	34	46	9	15	24	88	2
9	Nguy cơ thiệt hại hoa màu, giảm năng suất lúa khi có thiên tai	5	4	4	8	11	19	12	13	25	48	5
	Cộng	66	24	85	81	153	234	88	100	188	507	

Công cụ Xếp hạng giải pháp phòng chống thiên tai Thị trấn Nga Sơn

TT	GIẢI PHÁP	Xếp hạng của nhóm HTKT			Xếp hạng của Cụm thôn			Xếp hạng kiểm chứng			Tổng	Xếp hạng
		Nam (11)	Nữ (4)	Tổng (15)	Nam (9)	Nữ (17)	Tổng (29)	Nam (9)	Nữ (10)	Tổng (19)		
1	Hỗ trợ xây dựng nhà ở an toàn cho 22 ngôi nhà xuống cấp nguy cơ cao	17	7	24	15	14	29	19	7	26	79	1
2	Tuyên truyền, tập huấn về kiến thức nhà ở an toàn trước bão	4	2	6	8	13	21	2	5	7	34	9
3	Quản lý tốt khí thải gây ô nhiễm không khí bởi nhà máy may Thiên Sơn và bệnh viện	10	1	11	13	23	36	7	18	25	72	2
4	Nâng cao nhận thức cho người dân về quản lý rủi ro thiên tai và sức khỏe vệ sinh môi trường	12	4	16	10	22	32	5	4	9	57	5
5	Kêu gọi đầu tư trang thiết bị cứu hộ cứu nạn cho đội xung kích	5	4	9	7	11	18	6	5	11	38	8
6	Có chính sách hỗ trợ người nghèo xây dựng công trình vệ sinh đảm bảo.	11	1	12	6	10	16	11	8	19	47	7
7	Nâng cấp hệ thống thoát nước tại khu dân cư	10	6	16	5	25	30	11	13	24	70	3
8	Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng cứu hộ cứu nạn cho lực lượng xung kích	6	3	9	4	9	13	3	6	9	31	10
9	Quản lý và nâng cao chất lượng nước sạch cung cấp cho các hộ dân	0	0	0	5	15	20	15	16	31	51	6
10	Xử lý cành nhánh, cây to tại các nơi công sở, trường học	0	0	0	4	8	12	2	6	8	20	11
11	Nâng cao năng lực phòng cháy – chữa cháy tại chỗ, cơ động, linh hoạt, hiệu quả.	11	4	15	12	20	32	10	12	22	69	4
	Cộng	86	32	118	89	170	259	91	100	191	568	

3. Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá



Tập huấn ngày 1



Công bố danh sách các thành viên



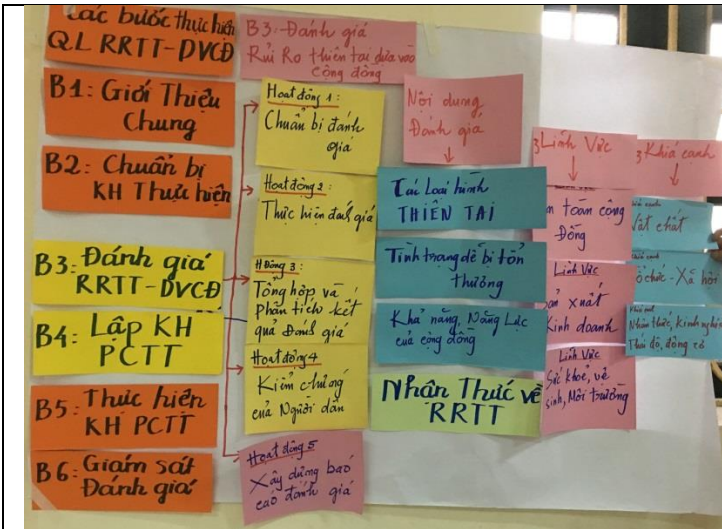
Tập huấn ngày 2



Phân công làm việc theo nhóm



Tập huấn cho nhóm Hỗ trợ kỹ thuật và nhóm cộng đồng



Các bước đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng

Thảo luận, tổng hợp nội dung phân tích nguyên nhân



NĂM	LOẠI THIÊN TAI	ĐẶC ĐIỂM KHU VỰC XH HƯNG THIÊN TAI	THIÊN TAI GIỚI MỨC ĐỘ THIẾT HẠI (ATCD, SXKD, SK, VKMT)	TẠI SAO BỊ THIẾT HẠI (Nguyên nhân: VC, TC, SX, VK, K, N, B, C)	ĐÁNH GIÁ ĐỀ PCTT
2005	Bão	Địa cấp 10 x 2 km, Diện tích 300m, Trầm	ATCD: Nhà tốc mái: 50 chiếc, Cột điện sứ đơn đầu trạm: 2 cái, Cây xoài bị đổ, Chết bị bão mới, SXKD: Rừng dừa: 5 ha bị ngập nước, Rừng mận: 3 ha bị đổ, Chấn nước: 150 chum trái tại mui, Ông cảm bị dịch bệnh, Sức khỏe VSMT: Người mắc 5H ở nhiều, Rác thải thả gom 2 kíp thời, Chết trâu chết nước? Ông ở, Chẩn về sinh sản, Chẩn về sinh sản mới chữa đc và đg.	Nhà tốc mái cũ, xử lý cấp, Cột điện sứ đơn đầu trạm, Cây xoài cũ chưa đp thời, Người dân chưa quan tâm, Cây trái dễ bị đổ, Hố thụt từ uly chưa đm, Chẩn trâu 30, Lũ lụt, nước chảy Lớn, Nhà dân thả gom chứa đm, Chẩn về sinh sản đm bão, Chẩn trâu chết nước chữa đc và đg.	Tính toán trước bão, Hấp thụ cho đm phòng, Tô chẩn bão trước, nhà của cho m độ đm, Di dời đồ có đm đm, antom, Tô chẩn đm trước bão, Sau bão, Tô chẩn trâu đm sau, Tô chẩn thả đm về s, mui trường, Tô chẩn cầu trở mui về đm an tại đm.

Thảo luận nhóm về công cụ Sơ họa bản đồ

Công cụ: Lịch sử thiên tai

THIÊN TAI	THÁNG	Xu hướng của thiên tai / BĐKH
Bão		Xả lượng xuất hiện tăng dần và kết thúc mùa bão
Rét hại		Cường độ mùa rét, thường đi sau bão phát triển
Nắng nóng		Nhiệt độ thấp hơn, thời gian kéo dài hơn
Hoạt động kinh tế / Văn hóa / Xã hội		Ảnh hưởng về TT đến HO KT & XH
Tổng hợp (Lũ lụt, Hạn hán)		Tại sao (Đánh giá TT) Kinh nghiệm phòng chống (Năng lực)
Chấn nước		Đặc điểm: Cường độ gia tăng, dao động, Rét, Cây trồng, Khả năng chịu, Nhà dân, Cây trái, Chẩn đm, Chẩn về sinh sản, Chẩn về sinh sản mới chữa đc và đg.

RỦI RO THIÊN TAI	SỐ PHIÊN CHO CÁC THÔNG TIN	TỔNG SỐ PHIÊN	XẾP HẠNG	
1. Nguy cơ sạt lở đất nghiêm trọng, ảnh hưởng bị đất trượt khi có bão từ cấp 10 trở lên	15	5	20	3
2. Nguy cơ sạt lở đất nghiêm trọng, ảnh hưởng bị đất trượt trong trường hợp có bão từ cấp 10 trở lên	11	2	13	4
3. Nguy cơ sạt lở đất nghiêm trọng, ảnh hưởng bị đất trượt khi có bão từ cấp 10 trở lên	7	0	7	5
4. Nguy cơ sạt lở đất nghiêm trọng, ảnh hưởng bị đất trượt	14	8	22	2
5. Nguy cơ sạt lở đất nghiêm trọng, ảnh hưởng bị đất trượt khi có bão từ cấp 10 trở lên	4	1	5	6
6. Nguy cơ sạt lở đất nghiêm trọng, ảnh hưởng bị đất trượt	15	8	23	1

Công cụ: Lịch theo mùa

Bảng xếp hạng rủi ro

PHÂN TÍCH NGUYÊN NHÂN

THIÊN TAI	RỦI RO THIÊN TAI	TÌNH TRẠNG ĐỀ BỊ TỒN THƯƠNG	NGUYÊN NHÂN	GIẢI PHÁP
BÃO	- Dự XR của TP. Hải Phòng về các đơn vị Tiểu khu, thời trạng thời tiết các địa phương	- Dự báo không chính xác về các cơn bão và mức độ nguy hiểm	- Nhận thức của người dân về tác động của bão chưa đầy đủ - Chưa có kế hoạch ứng phó kịp thời	- Liên kết với các đơn vị chuyên môn để được hỗ trợ kỹ thuật - Nâng cao ý thức trách nhiệm của người dân - Tăng cường năng lực cho người dân về công tác phòng chống bão
RET HẠI	- Nguy cơ người già, trẻ em để bị bệnh khi có rét đậm rét hại	- Người già, trẻ em không được chăm sóc kịp thời	- Thiếu kiến thức về phòng chống rét hại - Chưa có kế hoạch ứng phó	- Tuyên truyền cho người dân về cách phòng chống rét hại - Tăng cường năng lực cho người dân về công tác phòng chống rét hại

PHÂN TÍCH NGUYÊN NHÂN

THIÊN TAI	RỦI RO THIÊN TAI	TÌNH TRẠNG ĐỀ BỊ TỒN THƯƠNG	NGUYÊN NHÂN	GIẢI PHÁP
BÃO	- Nguy cơ nhà cửa, trường học, kho bãi bị hư hỏng, thiệt hại về tài sản, người dân bị thương	- Nhà cửa, trường học, kho bãi chưa được củng cố, sửa chữa kịp thời	- Nhà xây dựng không kiên cố, chất lượng kém - Không có kế hoạch ứng phó - Chưa được củng cố, sửa chữa kịp thời	- kêu gọi người dân di dời đến nơi an toàn - Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phòng chống thiên tai - Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục cho người dân về phòng chống thiên tai - Tăng cường năng lực cho người dân về công tác phòng chống thiên tai

XẾP HẠNG GIẢI PHÁP PCTT

GIẢI PHÁP PCTT	Số hộ dân chịu tác động	Tổng số hộ dân	Xếp hạng
1. Hộ gia đình đóng nhà dân gian cho 22 hộ vùng cấp có nguy cơ cao	17	16	33
2. Tuyên truyền, tập huấn kiến thức phòng tránh bão	8	14	22
3. Nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước trong khu dân cư	8	29	2
4. Có chính sách hỗ trợ người dân về xây dựng công trình vệ sinh	7	12	
5. Nâng cao ý thức người dân về Quản lý môi trường	12	24	
6. Đầu tư trang thiết bị cứu hộ cứu nạn	7	12	
7. Nâng cao năng lực, Kiến thức, Kỹ năng cứu hộ cứu nạn cho lực lượng xung kích	4	11	
8. Quản lý và nâng cao chất lượng nước sạch cung cấp cho các hộ dân	7	90	27
9. Xử lý cảnh, nhanh của các cây to tại Khu công cộng	5	9	14
10. Quản lý tốt Khí Thời tiết	15	23	38
11. Xây dựng Trung tâm Văn hóa và Thể thao	90	170	

Phân tích nguyên nhân

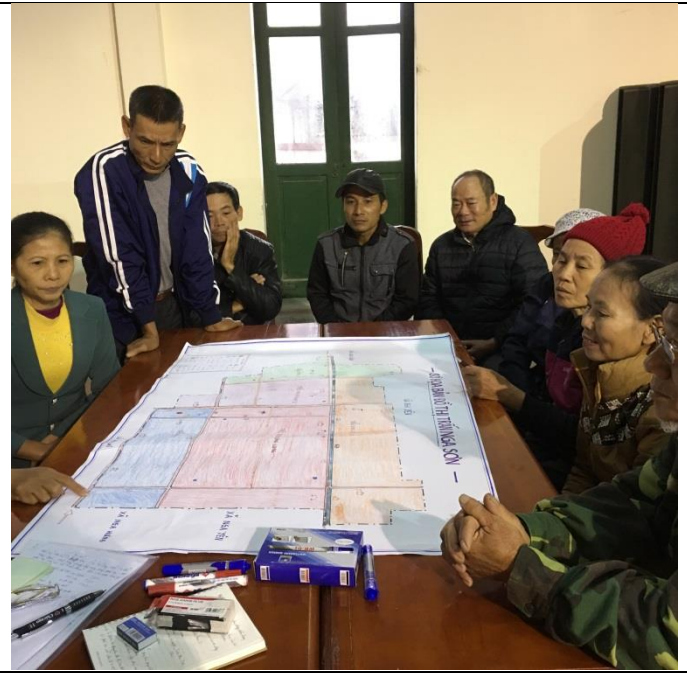
Xếp hạng Giải pháp



15 Thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật sau khi được tập huấn 4 ngày



Họp tiểu khu về Lịch sử thiên tai và Lịch theo mùa



Họp tiểu khu thảo luận về Sơ họa bản đồ



Họp cụm tiểu khu ngày 1 của đợt đánh giá



Cán bộ nhóm Hỗ trợ kỹ thuật tổng hợp đánh giá rủi ro thiên tai của địa phương



Cán bộ Hỗ trợ kỹ thuật hướng dẫn họp tiểu khu để thu thập và bổ sung thêm thông tin



Hướng dẫn họp cụm tiểu khu Hưng Long và Ba Đình



Họp tiểu khu (5 tiểu khu) lần 2



Chuẩn bị phiếu màu để tiến hành xếp hạng Rủi ro thiên tai và xếp hạng giải pháp



Nhóm Nam xếp hạng rủi ro thiên tai



Nhóm nữ xếp hạng giải pháp



Kiểm chứng thông tin với người dân ngày 3 của đợt đánh giá



Kết quả Sơ họa bản đồ sau khi đã được kiểm chứng và bổ sung thêm thông tin từ người dân



Nhóm nữ bỏ phiếu xếp hạng



Nhóm Nam bỏ phiếu xếp hạng